CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẦU ĐƯỜNG CII
70 Lữ Gia, Phường 15, Quận 11, TP. Hồ chí Minh
ĐT: +84.8. 3868 8239 / 379 / 468 Fax: +84.8. 3868 8189
Email: ciibr@ciibr.com.vn Website: www.ciibr.com.vn

*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 03 năm 2015*

# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẦU ĐƯỜNG CII
## Năm báo cáo: 2014

*(Theo mẫu Phụ lục II Ban hành kèm theo Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05 tháng 04 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)*

## I. Thông tin chung

### *1. Thông tin khái quát*

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẦU ĐƯỜNG CII
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0300482241
- Vốn điều lệ: 225.169.550.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 225.169.550.000 đồng
- Địa chỉ: 70 Lữ Gia, Phường 15, Quận 11, TPHCM
- Số điện thoại: 08.38688239 - 38688379
- Số fax: 08.38688189
- Website: ciibr.com.vn
- Mã cổ phiếu (nếu có): LGC

## 2. *Quá trình hình thành và phát triển*

2.1. Quá trình hình thành và phát triển:

- Tiền thân là Công ty Cơ khí Lữ Gia, một doanh nghiệp Nhà nước được thành lập năm 1978.
- Đến tháng 12/1999, thực hiện chủ trương cổ phần hóa, Công ty được chuyển thành Công ty Cổ phần Cơ khí - Điện Lữ Gia theo Quyết định số 8032/QĐ-UB-KT ngày 28/12/1999 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Là một trong những công ty có uy tín của Việt Nam trong lĩnh vực sản xuất và thi công lắp đặt các hệ thống chiếu sáng công cộng và tín hiệu giao thông; sản xuất và cung cấp các sản phẩm cơ khí phục vụ giao thông và ngành xây lắp điện cao thế. Công ty đã thi công và cung cấp thiết bị cho nhiều dự án lớn trong cả nước như: xây dựng sân bay, sân golf, các khu chế xuất, khu công nghiệp, khu dân cư, các dự án lớn về cầu, đường bộ như: Hệ thống chiếu sáng đường bờ Bắc - bờ Nam cầu Mỹ Thuận; cầu Rạch Miễu; Đại lộ Đông Tây; Xa lộ Hà Nội; vành đai Tân Sơn Nhất – Bình Lợi; cầu Sài Gòn 2, sân Golf Tân Sơn Nhất, sân golf Long Biên Hà Nội… Bên cạnh đó, sản phẩm của Công ty cũng được xuất khẩu sang thị trường Campuchia.
- Đến tháng 08/2014 Công ty Cổ phần Cơ khí điện Lữ Gia (LUGIACO) được đổi tên thành Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII (CII B&R), mở rộng lĩnh vực hoạt động chuyên đầu tư các dự án về cầu đường.

2.2. Niêm yết:

- Ngày 27/11/2006 Công ty Cổ phần Cơ khí Điện Lữ Gia được Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp giấy phép niêm yết lần đầu theo quyết định số 87/UBCK-GPNY và chính thức niêm yết 1.000.000 cổ phiếu trên Sở Giao Dịch Chứng Khoán TP.HCM (HOSE) vào ngày 27/12/2006. Mã cổ phiếu: LGC.
- Ngày 08/01/2008 LGC niêm yết bổ sung 2.000.000 cổ phiếu phát hành thêm trên HOSE.
- Ngày 10/02/2009 LGC niêm yết bổ sung 4.530.510 cổ phiếu phát hành thêm trên HOSE.
- Ngày 17/07/2009 LGC niêm yết bổ sung 753.051 cổ phiếu phát hành thêm trên HOSE.
- Ngày 20/11/2013 LGC niêm yết bổ sung 6.867.158 cổ phiếu phát hành thêm trên HOSE.
- Ngày 23/09/2014 LGC niêm yết bổ sung 7.366.236 cổ phiếu phát hành thêm

trên HOSE.

- Tổng số cổ phiếu LGC đang niêm yết trên HOSE hiện nay là 22.516.955 cổ phiếu.

2.3. Các thành tích đạt được trong quá trình phát triển:

Qua hơn 25 năm xây dựng và phát triển, Công ty đã có những đóng góp cho sự phát triển của đất nước và đã được Nhà nước trao tặng Huân chương Lao động hạng Nhất, Nhì và Ba.

**Huân chương lao động hạng nhất, nhì, ba**

Ngày 17 tháng 11 năm 2003, Công ty đã được Công ty TUV Rheinland Việt Nam cấp chứng chỉ số 01100039086 về việc áp dụng hệ thống Quản lý Chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2000 và hệ thống Quản lý Chất lượng vẫn được duy trì và cải tiến phù hợp cho đến hiện nay.

## *3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh*

3.1. Ngành nghề kinh doanh:

- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác.
- Sản xuất kinh doanh các thiết bị cơ khí – điện cho hệ thống chiếu sáng, hệ thống đèn tín hiệu giao thông, thiết bị báo hiệu giao thông.
- Sản xuất kinh doanh các loại trụ, cột bằng kim loại.
- Thiết kế, thi công lắp đặt hệ thống đèn chiếu sáng công cộng, hệ thống đèn tín hiệu giao thông, thiết bị báo hiệu giao thông.
- Sản xuất kinh doanh và lắp đặt các cấu kiện sắt thép công nghiệp và dân dụng.
- Thi công xây lắp đường dây tải điện và trạm biến áp dưới 35 KV. Lắp đặt trụ điện lực đơn thân phục vụ đường dây tải điện đến 220KV.
- Kinh doanh nhà ở. Dịch vụ thương mại.

3.2. Địa bàn kinh doanh:

Địa bàn hoạt động kinh doanh chính trong nước Việt Nam và Campuchia

## 4. *Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý*

4.1. Mô hình quản trị:

Mô hình quản trị của Công ty thực hiện theo Quy chế quản trị được ban hành kèm theo Nghị quyết số 05/NQ-HĐQT ngày 02/5/2013 của Hội đồng quản trị Công ty. Quy chế này quy định những nguyên tắc cơ bản về quản trị công ty nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành và cán bộ quản lý công ty.

4.2. Cơ cấu bộ máy quản lý:

Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ của các phòng ban, đơn vị thuộc công ty, bộ máy tổ chức của công ty được sắp xếp như sau:

### *Sơ đồ cơ cấu tổ chức của Công ty*

**Sơ đồ cơ cấu tổ chức đến thời điểm 18/08/2014**

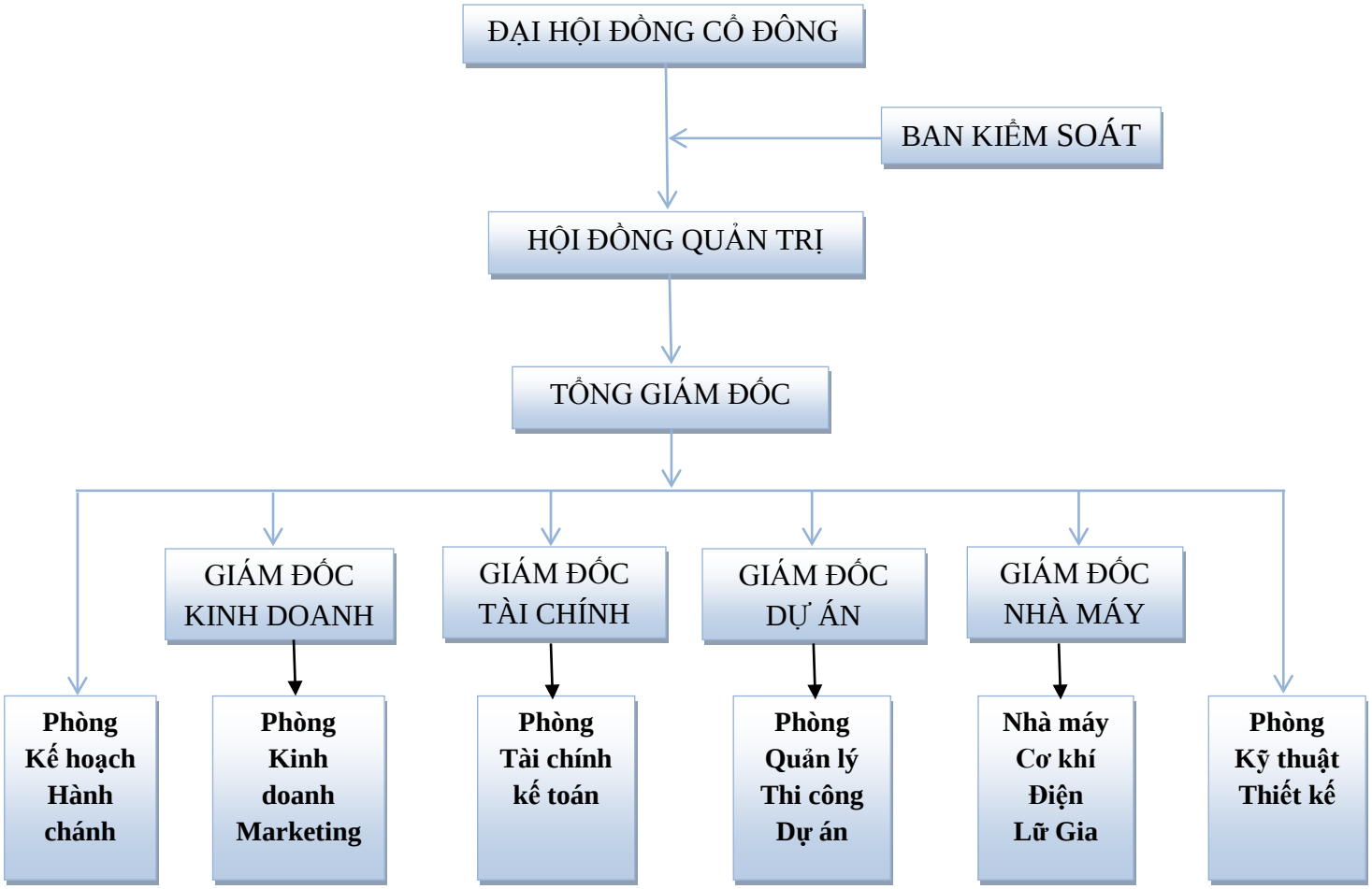

Thực hiện chủ trương tái cấu trúc Công ty, chuyên môn hóa hoạt động Công ty trong lĩnh vực đầu tư cầu đường, sau khi đổi tên thành Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu Đường CII ngày 18/08/2014, Công ty hoạt động theo sơ đồ tổ chức như sau:

**Sơ đồ cơ cấu tổ chức từ sau thời điểm 18/08/2014**

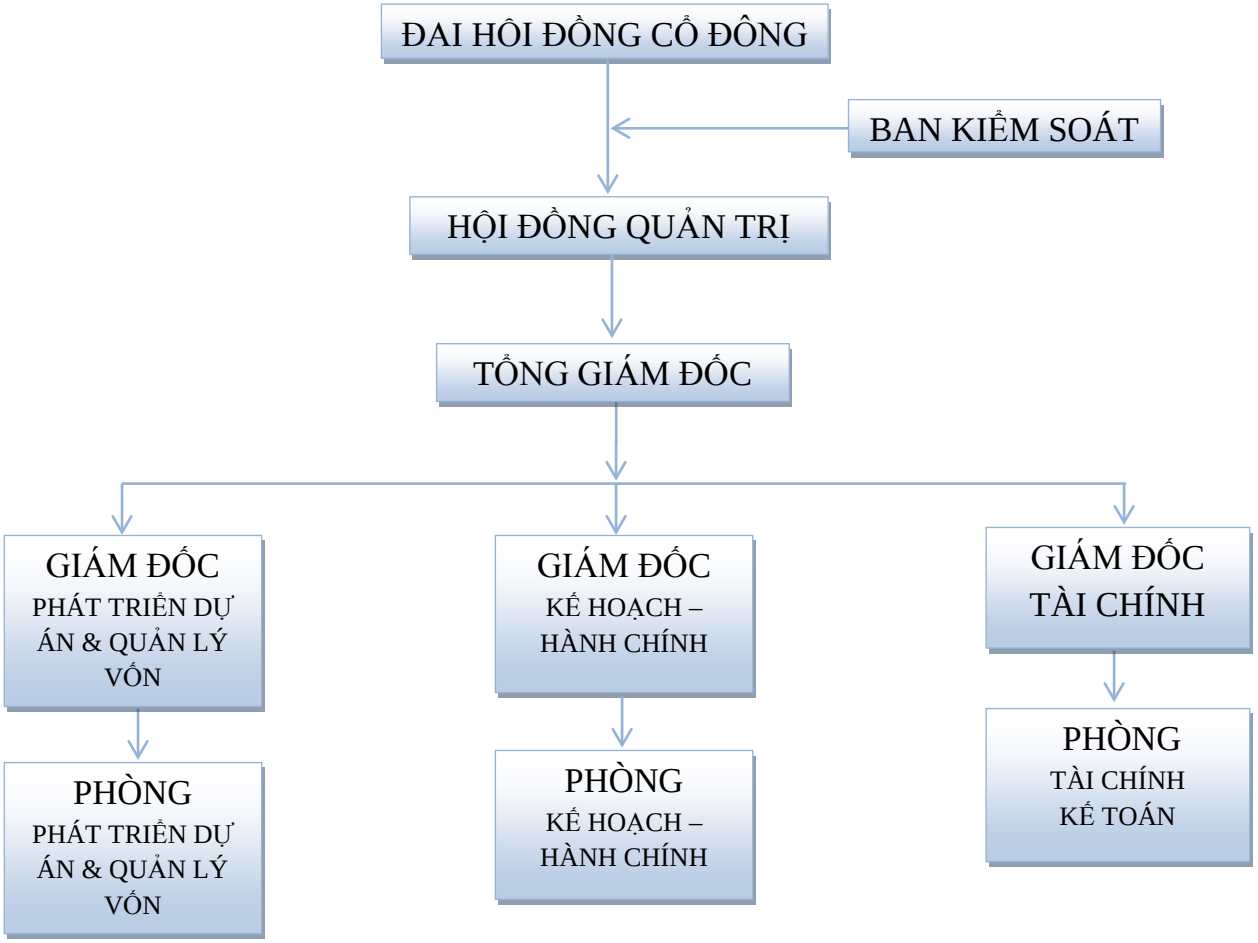


***Diễn giải chung:***

**Đại hội đồng cổ đông**

ĐHĐCĐ là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty. ĐHĐCĐ có trách nhiệm thảo luận và phê chuẩn những chính sách dài hạn và ngắn hạn về phát triển của Công ty; quyết định về cơ cấu vốn, bầu ra bộ máy quản lý và điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

**Hội đồng quản trị**

HĐQT là cơ quan quản trị Công ty, bao gồm 05 thành viên, có đầy đủ quyền hạn để thực hiện các quyền nhân danh Công ty, trừ những thẩm quyền thuộc về ĐHĐCĐ.

HĐQT phải báo cáo ĐHĐCĐ về hoạt động của mình cụ thể là chỉ đạo và giám sát của

HĐQT đối với hoạt động của BĐH. HĐQT có nhiệm vụ quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển Công ty; quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý Công ty; đưa ra các biện pháp, các quyết định nhằm đạt được các mục tiêu do ĐHĐCĐ đề ra.

**Ban Kiểm soát**

BKS của Công ty gồm 03 thành viên, là cơ quan có nhiệm vụ giúp Đại hội đồng cổ đông giám sát, đánh giá kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty một cách khách quan nhằm đảm bảo lợi ích cho các cổ đông.

**Ban điều hành**

Ban điều hành thực hiện quản lý điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo chủ trương của HĐQT và Nghị quyết của ĐHĐCĐ, chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ và HĐQT toàn bộ việc tổ chức sản xuất kinh doanh và thực hiện các biện pháp nhằm đạt được các mục tiêu phát triển của Công ty.

**Công ty con**

Sau quá trình nhận chuyển nhượng cổ phần từ CII, CII B&R sẽ hình thành các Công ty trực thuộc.

4.3. Các công ty con, công ty liên kết:

❖ Công ty con:

*a) Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu Sài Gòn*

- Địa chỉ: 50 Tôn Thất Đạm - Phường Nguyễn Thái Bình - Quận 1 - TPHCM
- Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: Xây dựng công trìnhđư ờng sắt và đường bộ. Khai thác, xử lý và cung cấp nước. Xây dựng nhà các loại. Xây dựng công trình công ích. Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí. Lắp đặt hệ thống xây dựng khác.
- Vốn điều lệ thực góp: 1.100.000.000.000 đồng
- Tỷ lệ sở hữu của Công ty: 89,98%

*b) Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội*

- Địa chỉ: 50 Tôn Thất Đạm - Phường Nguyễn Thái Bình - Quận 1 - TPHCM
- Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: Khai thác, xử lý và cung cấp nước. Xây dựng nhà các loại. Xây dựng công trình đư ờng sắt và đường bộ. Xây dựng công trình công ích. Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước. Lắp đặt hệ thống xây dựng. Kinh doanh bất động sản.
- Vốn điều lệ thực góp: 457.600.000.000 đồng
- Tỷ lệ sở hữu của Công ty: 51%

*c) Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận*

- Địa chỉ: 70 Lữ Gia - Phường 15 - Quận 11 - TPHCM
- Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: Xây dựng nhà các loại; công trình đường sắt và đường bộ; công trình công ích; công trình kỹ thuận dân dụng khác. Chuẩn bị mặt bằng. Lắp đặt hệ thống điện, hệ thống cấp, thoát nước; hệ thống xây dựng khác.Hoàn thiện công trình xây dựng.
- Vốn điều lệ thực góp: 220.000.000.000 đồng
- Tỷ lệ sở hữu của Công ty: 99,99 %

*d) Công ty Cổ phần Cơ khí Điện Lữ Gia*

- Địa chỉ: 70 Lữ Gia - Phường 15 - Quận 11 - TPHCM
- Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: Thi công lắp đặt đèn chiếu sáng công cộng, hệ thống đèn tín hiệu giao thông. Lắp đặt các loại thiết bị báo hiệu giao thông. Thi công xây lắp đường dây tải điện và trạm biến áp dưới 35KV. Lắp đặt trụ điện lực đơn thân phục vụ đường dây tải điện đến 220KV. Sản xuất các thiết bị cơ khí điện cho hệ thống chiếu sáng, tín hiệu giao thông và trang trí nội thất; sản xuất các loại thiết bị báo hiệu giao thông. Sửa chữa, bảo dưỡng hệ thống điện chiếu sáng công cộng, đèn tín hiệu giao thông. Bán buôn các thiết bị cơ khí - điện cho các hệ thống chiếu sáng, tín hiệu giao thông và trang trí nội thất. Bán buôn các thiết bị cơ khí cho yêu cầu phục vụ vệ sinh môi trường. Bán buôn các loại thiết bị báo hiệu giao thông, các thiết bị cơ khí, cơ khí chính xác. Bán buôn các cấu kiện sắt thép công nghiệp và dân dụng; các loại trụ, cột bằng kim loại.
- Vốn điều lệ thực góp: 78.150.000.000 đồng
- Tỷ lệ sở hữu của Công ty: 99,8%

❖ Công ty liên kết:

*Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu*

- Địa chỉ: Ấp 8, xã Tân Thạch, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre
- Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: Đầu tư xây dựng – Kinh doanh – chuyển giao công trình cầu Rạch Miễu (B.O.T). Du lịch sinh thái. Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng. Quảng cáo, cung cấp xăng dầu, vận chuyển hành khách, bến xe, bãi đậu xe. Xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, đô thị, dân cư. Dịch vụ điện thoại. Dịch vụ bảo dưỡng, sửa chữa xe có động cơ.
- Vốn điều lệ thực góp (đến thời điểm 31/12/2013): 162.033.164.281 đồng
- Tỷ lệ sở hữu của Công ty: 49,57%

## 5. *Định hướng phát triển*

❖ Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

- Chuyên môn hóa đầu tư lĩnh vực hạ tầng cầu đường.
- Tiếp nhận các dự án đầu tư cầu đường hiện có của Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật TPHCM (CII) để khai thác có hiệu quả và làm tiền đề cho việc đầu tư phát triển các dự án tiếp theo.
- Cùng CII tham gia phát triển các dự án mới.
- Từng bước nâng cao năng lực đầu tư để tham gia đầu tư vào những dự án BOT, BT về giao thông.
- Hình thành một kênh đầu tư và huy động vốn để thực hiện chủ trương của Chính phủ trong việc phát triển hạ tầng giao thông.
- Trở thành doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực đầu tư và khai thác hạ tầng đường bộ tại Việt Nam.
- Trở thành thương hiệu uy tín tại Việt Nam trong việc huy động các nguồn vốn trong nước và quốc tế để phát triển hạ tầng giao thông đường bộ Việt Nam.
- Tận dụng chuyên môn và công nghệ của các đối tác chiến lược để phát triển hạ tầng đường bộ Việt Nam theo hướng hiện đại và bền vững.
- Phát triển bền vững và mang lại lợi ích lâu dài cho cổ đông và các đối tác.

❖ Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty:

Quá trình đô thị hóa, phát triển cơ sở hạ tầng giao thông công cộng, tốc độ tăng dân số đô thị bình quân 1,56 triệu người/năm trong giai đoạn 2010 đến 2020. Bên cạnh đó, hạ tầng cơ sở của Việt Nam theo đánh giá còn kém phát triển so với các nước trong khu vực, gây cản trở cho việc phát triển kinh tế của đất nước, vì vậy, việc phát triển hạ tầng giao thông là một nhu cầu tất yếu, tạo tiền đề cho việc phát triển đất nước.

**6. *Các rủi ro:***

❖ *Rủi ro về kinh tế*

Kinh tế - xã hội nước ta năm 2014 diễn ra trong bối cảnh thế giới tiếp tục có nhiều diễn biến phức tạp cả về kinh tế và chính trị. Một nền kinh tế mặc dù có kỳ vọng tăng trưởng khá nhưng vẫn còn nhiều yếu tố rủi ro. Sản xuất kinh doanh trong nước tiếp tục đối mặt với những khó khăn, áp lực: sức mua trên thị trường thấp; khả năng hấp thụ vốn của nền kinh tế chưa cao; sức ép nợ xấu còn nặng nề; hàng hóa trong nước tiêu thụ chậm... Trong đó, đáng chú ýlà quá trình tái cấu kinh tế diễn ra thiếu đồng bộ và chưa thực sự có những bước đi hiệu quả, đồng thời, thời gian gần đây tình hình biển Đông có nhiều diễn biến phức tạp, bước đầu ảnh hưởng đến động thái phát triển kinh tế - xã hội và đời sống dân cư cả nước.

❖ *Rủi ro về lãi suất:*

Mặc dù lãi suất huy động có xu hướng giảm nhưng lãi suất cho vay vẫn ở mức cao, hơn nữa việc tiếp cận vốn vay của doanh nghiệp vẫn gặp nhiều khó khăn, ngoài ra chỉ có một số ít doanh nghiệp đáp ứng được các điều kiện để hưởng lãi suất thấp. Điều này đã ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp và các doanh nghiệp không có nhiều động lực sử dụng vốn vay với mức lãi suất hiện tại.

❖ *Rủi ro về pháp luật*

Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII chính thức hoạt động theo mô hình công ty cổ phần từ năm 2000 và chính thức niêm yết cổ phiếu trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh năm 2006 nên mọi hoạt động của Công ty đều chịu ảnh hưởng bởi các quy định của pháp luật như: Luật Doanh nghiệp, Luật Thương mại, Luật Chứng khoán, các luật về thuế... và các văn bản hướng dẫn của Chính phủ, của Bộ Tài Chính, của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và các cơ quan ban ngành có liên quan. Điều này có thể dẫn đến rủi ro về pháp lý cho Công ty khi hiện nay hệ thống pháp luật của nước ta thiếu tính ổn định và chưa thật sự nhất quán, các văn bản hướng dẫn thi hành vẫn chưa hoàn chỉnh và đang trong giai đoạn hoàn thiện nên còn có những sửa đổi bổ sung.

Từ 18/08/2014 sau khi công ty chính thức đổi tên thành Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII với mục tiêu chính là thực hiện các dự án cầu đường, hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chịu rủi ro từ chính sách khi mức phí giao thông phụ thuộc vào chính sách của Nhà nước.

❖ *Rủi ro đặc thù ngành Hạ tầng giao thông*

Với định hướng trong tương lai lĩnh vực kinh doanh chủ yếu của Công ty là đầu tư vào các dự án về cầu, đường giao thông theo hình thức đầu tư BOT (xây dựng – kinh doanh – chuyển giao) và BT (xây dựng – chuyển giao) thường đòi hỏi quy mô vốn đầu tư lớn, trong bối cảnh thị trường tài chính gặp nhiều khó khăn thì Công ty cũng phải chịu một số ảnh hưởng nhất định khi sử dụng các công cụ tài chính.

Hiện nay, Chính phủ đang kêu gọi các thành phần kinh tế tư nhân cùng tham gia đầu tư cơ sở hạ tầng. Do vậy, khả năng trong tương lai sẽ có nhiều đơn vị tư nhân và các doanh nghiệp nước ngoài tham gia đầu tư vào lĩnh vực này và trong dài hạn, có thể xuất hiện thêm đối thủ cạnh tranh với CII B&R. Tuy nhiên, là công ty con của CII và được nhận chuyển giao từ công ty mẹ CII một danh mục dự án cầu đường hiệu quả mà CII đang đầu tư và khai thác, cộng với kinh nghiệm đầu tư hơn 13 năm trong ngành cũng như kinh nghiệm huy động vốn để thực hiện dự án, cùng với sự am hiểu về các chính sách đầu tư, mối quan hệ với các tổ chức tín dụng,… của Công ty mẹ CII sẽ giúp cho CII B&R duy trì được lợi thế cạnh tranh của mình.

❖ *Rủi ro khác*

Ngoài các rủi ro trên, hoạt động của Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII có thể

chịu rủi ro khác như thiên tai, địch họa… đây là những rủi ro bất khả kháng, ít có khả năng xảy ra nhưng nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại về vật chất và con người cũng như tình hình hoạt động chung của Công ty.

## II. Tình hình hoạt động trong năm

### 1. *Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh*

Trong năm 2014, Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII (CII B&R) đã thực hiện tái cấu trúc thành công ty con của Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật TPHCM (CII) chuyên đầu tư vào lĩnh vực cầu đường, đồng thời vẫn tiếp tục phát huy thương hiệu Lugiaco đã xây dựng được trong các năm qua, tháng 9/2014 CII B&R đã thành lập 2 công ty con, qua đó CII B&R sẽ chuyển những mảng hoạt động của Lugiaco sang 2 Công ty này, cụ thể:

- Công ty Cổ phần Cơ khí điện Lữ Gia: Hoạt động về lĩnh vực sản xuất thiết bị điện chiếu sáng công cộng, các sản phẩm cơ khí phục vụ giao thông và xây lắp điện cao thế; thi công các công trình chiếu sáng công cộng.
- Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư Kinh doanh Địa ốc Lữ Gia chuyên về lĩnh vực đầu tư kinh doanh bất động sản.

Như vậy, CII B&R là công ty hoạt động tập trung ở mảng cầu đường. Trong Quý IV/2014, CII B&R đã nhận chuyển nhượng vốn đầu tư tại các dự án BOT, BT về cầu đường từ CII: Dự án Đầu tư Xây dựng Cầu Sài Gòn 2; Dự án Đầu tư Xây dựng Mở rộng Tuyến tránh QL1A đoạn qua Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận; Dự án cầu Rạch Miễu – Quốc lộ 60 đoạn qua tỉnh Tiền Giang – tỉnh Bến Tre; Dự án Đầu tư Xây dựng Mở rộng xa lộ Hà Nội.

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty năm 2014 như sau:

| Chỉ tiêu | Thực hiện 2013 | Kế hoạch 2014 | Thực hiện 2014 | So sánh TH2014/ TH2013 | So sánh TH2014/ KH2014 |
|---|---|---|---|---|---|
| **1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ** | 214.358.245.263 | 245.000.000.000 | 258.510.510.323 | 121% | 106% |
| 1.1- Doanh thu bán hàng | 45.451.674.639 | 60.000.000.000 | 62.084.590.897 | 137% | 103% |
| 1.2- Doanh thu thi công xây dựng công trình | 122.063.869.139 | 140.000.000.000 | 161.276.101.743 | 132% | 115% |
| 1.3- Doanh thu bán căn hộ | 28.090.715.754 | 27.000.000.000 | 16.626.266.428 | 59% | 62% |
| 1.4- Doanh thu cho thuê văn phòng | 18.751.985.731 | 18.000.000.000 | 19.868.269.156 | 106% | 110% |
| 1.5- Doanh thu từ dự án B.T đầu tư XD cầu SG | | | (1.344.717.901) | | |

| Chỉ tiêu | Thực hiện 2013 | Kế hoạch 2014 | Thực hiện 2014 | So sánh TH2014/ TH2013 | So sánh TH2014/ KH2014 |
|---|---|---|---|---|---|
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 2.453.701.261 | 0 | 1.573.865.323 | 64% | |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 211.904.544.002 | 245.000.000.000 | 256.936.645.000 | 121% | 105% |
| 4. Giá vốn hàng bán | 171.302.359.640 | 200.280.000.000 | 215.713.323.080 | 126% | 108% |
| **5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ** | 40.602.184.362 | 44.720.000.000 | 41.223.321.920 | 102% | 92% |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 384.987.327 | 0 | 273.299.952.495 | 70.989% | |
| 7. Chi phí tài chính (lãi vay) | 21.547.782.233 | 10.589.378.614 | 46.565.522.692 | 216% | 440% |
| 8. Chi phí bán hàng | 5.805.738.720 | 5.700.000.000 | 7.030.713.996 | 121% | 123% |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 5.780.526.910 | 6.000.000.000 | 18.892.701.182 | 327% | 315% |
| **10.Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh** | 7.853.123.826 | 22.430.621.386 | 242.034.336.545 | 3.082% | 1.079% |
| 11. Thu nhập khác | 404.060.068 | 0 | 237.902.802.737 | 58.878% | |
| 12. Chi phí khác | 763.792.772 | 0 | 238.528.658.764 | 31.229% | |
| 13. Lợi nhuận khác | (359.732.704) | 0 | (625.856.027) | 174% | |
| **14.Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế** | 7.493.391.122 | 22.430.621.386 | 241.408.480.518 | 3.222% | 1076% |
| 15. Chi phí thuế TNDN hiện hành | 3.597.128.846 | 5.607.655.347 | 1.896.754.779 | 53% | 34% |
| 16. Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | | | 70.610.038 | | |
| **17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp** | 3.896.262.276 | 16.822.966.040 | 239.441.115.701 | 6.145% | 1.423% |

### *2. Tổ chức và nhân sự*

| Họ và tên | Chức danh | Tỷ lệ sở hữu cổ phần (%) |
|---|---|---|
| 1. Ông Nguyễn Văn Thành | Tổng Giám đốc | 0,13 |
| 2. Ông Nguyễn Văn Thông | Giám đốc tài chính kiêm KTT | 0 |
| 3. Ông Nguyễn Chí Hiếu | Giám đốc Dự án | 0 |
| 4. Ông Nguyễn Thanh Bình | Giám đốc Nhà máy | 0 |

| | | |
|---|---|---|
| 5. Ông Trần Anh Tuấn | Trưởng Phòng kỹ thuật - thiết kế | 0 |
| 6. Ông Nguyễn Tuấn Phong | Trưởng Phòng Kinh doanh - Marketing | 0 |
| 7. Ông Võ Thanh Thế | Trưởng Phòng Quản lý thi công | 0 |
| 8. Ông Phan Diện Nam | Trưởng Phòng Kế hoạch - hành chính | 0 |

**** Tóm tắt lý lịch Ban điều hành:***

**- Ông Nguyễn Văn Thành - Tổng Giám đốc**

Là Cử nhân kinh tế, sinh năm 1965, Ông từng là Phó giám đốc Xí nghiệp Dịch vụ Thu phí - Công ty Cổ Phần Đầu Tư Hạ Tầng Kỹ Thuật TP. HCM, Giám đốc Công ty Cổ phần đầu tư Đồng Thuận, Trưởng ban quản lý dự án – Công ty Cổ phần đầu tư hạ tầng kỹ thuật TP. Hồ Chí Minh.

**- Ông Nguyễn Văn Thông – Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng**

Sinh năm 1974, Cử nhân kinh tế chuyên ngành Kế toán, trước khi tham gia LGC ông là nhân viên Công ty Vật Tư Thủy Sản - Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam (Seaprodex), Phó Trưởng phòng Tài chính kế toán Công ty xe đạp xe máy Sài Gòn - Sở Công nghiệp TP. Hồ Chi Minh.

**- Ông Nguyễn Chí Hiếu – Giám đốc dự án**

Sinh năm 1976, là Kỹ sư điện, trước khi tham gia LGC ông là nhân viên kỹ thuật, Phó trưởng phòng thiết kế của Công ty Cổ phần Xây lắp điện – Công ty Điện Lực 2, Chuyên viên Ban quản lý dự án Điện lực Miền Nam - Tổng Công ty Điện Lực Miền Nam.

**- Ông Nguyễn Thanh Bình - Giám đốc Nhà máy**

Kỹ sư cơ khí, sinh năm 1968, từng là cán bộ kỹ thuật Công ty Cao su Thống Nhất (Ruthimex), cán bộ Kỹ Thuật Công ty Cơ khí Dân dụng (Codaco) TP. HCM, Trưởng phòng Kỹ Thuật - Chất lượng Công ty Bao bì Tây Ninh.

**- Ông Trần Anh Tuấn - Trưởng Phòng kỹ thuật - Thiết kế**

Kỹ sư xây dựng, Kỹ sư điện, sinh năm 1976, trước khi tham gia LGC Ông là nhân viên Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Cầu Lớn Hầm (TEDI – BRITEC).

**- Ông Nguyễn Tuấn Phong - Trưởng Phòng Kinh doanh - Marketing**

Sinh năm 1974, là Cử nhân kinh tế, Cử nhân tin học, trước khi về làm việc cho LGC Ông từng công tác tại Trung tâm Xử lý Thông tin Thống kê - Cục Thống kê TP.HCM.

**- Ông Võ Thanh Thế - Trưởng Phòng Quản lý thi công - Dự án**

Kỹ sư điện, sinh năm 1970, trước khi về làm việc cho LGC Ông làm việc cho các đơn vị tư nhân.

**- Ông Phan Diện Nam - Trưởng Phòng Kế hoạch - Hành chính**

Kỹ sư điện, sinh năm 1971, trước khi tham gia LGC Ông là Đội trưởng đội thi công DNTN Xây lắp điện Quyết Thắng, nhân viên kỹ thuật Công ty TNHH TMDV Tân Hải Minh.

**- Những thay đổi trong ban điều hành:** không có

**- Số lượng cán bộ, nhân viên:** Tổng số lao động tại Công ty tính đến 31/12/2014 là 123 người với cơ cấu lao động theo trình độ như sau:

| Tiêu chí | Số lượng | Tỷ lệ |
|---|---|---|
| 1- Trình độ đại học và trên đại học | 36 | 29,27 % |
| 2- Trình độ trung cấp và cao đẳng | 15 | 12,20 % |
| 3- Công nhân kỹ thuật | 60 | 48,78 % |
| 4- Nhân viên phục vụ | 12 | 9,76 % |
| **Tổng cộng** | **123** | **100%** |

**- Chế độ làm việc và chính sách lương thưởng, trợ cấp cho người lao động**

- Chế độ làm việc:

Công ty thực hiện chế độ làm việc 08 giờ/ngày, 44 giờ/tuần; khối gián tiếp làm việc theo giờ hành chính, khối trực tiếp sản xuất làm việc theo ca.

- Chính sách đào tạo:

Công tác đào tạo nhằm nâng cao trình độ chuyên môn tay nghề cho cán bộ công nhân viên (CBCNV) được công ty quan tâm. Các cán bộ, nhân viên chuyên môn nghiệp vụ được cử đi học các khóa huấn luyện ngắn hạn, dài hạn (học Đại học) với kinh phí do Công ty đài thọ; tổ chức học và thi nâng bậc cho công nhân tại đơn vị.

- Chính sách lương:

Căn cứ vào tình hình sản xuất kinh doanh và năng lực của người lao động, Công ty trả lương theo các hình thức lương thời gian (dùng cho khối gián tiếp) và lương khoán công việc và khoán sản phẩm (dùng cho khối trực tiếp), Công ty thực hiện phân phối lương phù hợp với chức danh công việc và tính chất công việc căn cứ

vào các quy định của luật lao động và các quy định của Công ty; hệ thống thang bảng lương được Công ty báo cáo với Sở Lao động Thương binh và Xã hội theo quy định.

- Chính sách khen thưởng:

Hàng năm, Hội đồng thi đua khen thưởng của Công ty họp xét phân loại A, B,C để làm căn cứ khen thưởng cho người lao động trong dịp Tết nguyên đán, bình quân mỗi người được thưởng ít nhất 01 tháng lương. Bên cạnh đó, căn cứ vào kết quả sản xuất kinh doanh, HĐQT Công ty trích lập Quỹ Khen thưởng phúc lợi để chi cho người lao động trong các ngày lễ lớn; khen thưởng lao động tiên tiến, các cá nhân tập thể có sáng kiến làm lợi cho Công ty,…

- Chế độ phúc lợi:

Bên cạnh các chính sách lương thưởng, Công ty cũng quan tâm đời sống tinh thần của người lao động thông qua việc phối hợp với Công đoàn để tổ chức cho người lao động được đi nghỉ mát hàng năm. Thỏa ước lao động tập thể đã được Công ty xây dựng và đăng ký với cơ quan quản lý lao động theo đúng quy định của Pháp luật. Các chế độ bảo hiểm xã hội (BHXH), bảo hiểm y tế (BHYT), bảo hiểm thất nghiệp (BHTN), được Công ty thực hiện đầy đủ cho người lao động thuộc diện bắt buộc đóng BHXH, làm nghĩa vụ đóng BHXH đầy đủ và đúng hạn cho cơ quan BHXH Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Chính sách cổ tức**

Kết thúc niên độ tài chính HĐQT có trách nhiệm xây dựng phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ để trình Đại hội đồng cổ đông. Phương án này được xây dựng trên cơ sở lợi nhuận sau thuế từ hoạt động kinh doanh trong năm tài chính vừa qua sau khi đã thực hiện nghĩa vụ nộp thuế và tài chính khác theo quy định của pháp luật hiện hành. Bên cạnh đó, Công ty cũng xét tới kế hoạch và định hướng kinh doanh, chiến lược đầu tư mở rộng hoạt động kinh doanh trong năm tới để đưa ra mức cổ tức dự kiến hợp lý.

Theo Nghị quyết HĐQT số 20/NQ-HĐQT ngày 24/12/2014 và Thông báo số 407/TB-BRC-TC ngày 24/12/2014 của Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII về ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền chốt danh sách cổ đông, Công ty tạm ứng cổ tức năm 2014 cho các cổ đông với tỷ lệ chi trả 12% mệnh giá (1 cổ phiếu được nhận 1.200 đồng), tương đương 26.518.494.000 đồng. Thời gian thực hiện: Quý I/2015.

### *3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án*

Các khoản đầu tư lớn được thực hiện trong năm:

- Trong năm 2014, Công ty có nhận chuyển nhượng các dự án đầu tư cầu đường từ Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật TPHCM với giá trị chuyển nhượng các dự án như sau:

| STT | Tên dự án | Giá trị chuyển nhượng |
|---|---|---|
| 1 | Dự án Đầu tư Xây dựng Cầu Sài Gòn 2 | 1.061.852.660.262 |
| 2 | Dự án Đầu tư Xây dựng Mở rộng Tuyến tránh QL1A Đoạn qua Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận | 262.218.482.048 |
| 3 | Dự án cầu Rạch Miễu – Quốc lộ 60 đoạn qua tỉnh Tiền Giang – tỉnh Bến Tre | 85.458.623.284 |
| 4 | Dự án Đầu tư Xây dựng Mở rộng xa lộ Hà Nội | 233.376.000.000 |
| | **Cộng** | **1.642.905.765.594** |

- Bên cạnh đó, Công ty đã đầu tư vào Công ty CP Cơ khí Điện Lữ Gia 78.000.000.000 đồng, chiếm tỷ lệ 99,81% vốn điều lệ của công ty này. Công ty đã đầu tư vào Công ty trách nhiệm hữu hạn đầu tư kinh doanh địa ốc Lữ Gia 150.000.000.000 đồng, chiếm tỷ lệ 100% vốn điều lệ của công ty này.
- Ngày 02 tháng 10 năm 2014, Công ty thực hiện góp vốn theo hợp đồng hợp tác đầu tư với Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh, khai thác quyền thu phí giao thông trên Xa lộ Hà Nội hoàn vốn đầu tư xây dựng cầu Rạch Chiếc. Tỷ lệ góp vốn đầu tư vào dự án của Công ty là 99,5% tương ứng 233.186.899.750 đồng và của Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh là 0,5% tương ứng 1.171.793.466 đồng. Lợi nhuận sau thuế từ hoạt động thu phí được chia theo tỷ lệ phần trăm vốn góp của mỗi bên.

## *4. Tình hình tài chính*

### *a) Tình hình tài chính*

** Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng:*

| Chỉ tiêu | Năm 2013 | Năm 2014 | % tăng giảm |
|---|---|---|---|
| Tổng giá trị tài sản | 439.764.380.335 | 1.674.550.314.518 | 281% |
| Doanh thu thuần | 211.904.544.002 | 256.936.645.000 | 21% |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | 7.853.123.826 | 242.034.336.545 | 2.982% |
| Lợi nhuận khác | (359.732.704) | (625.856.027) | 74% |
| Lợi nhuận trước thuế | 7.493.391.122 | 241.408.480.518 | 3.122% |
| Lợi nhuận sau thuế | 3.896.262.276 | 239.441.115.701 | 6.045% |
| Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức | | 12% | |

*b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu*

| Các chỉ tiêu | Năm 2013 | Năm 2014 | Ghi chú |
|---|---|---|---|
| *1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán* | | | |
| + Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn | 2,10 | 2,93 | |
| + Hệ số thanh toán nhanh: (TSLĐ - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn | 1,19 | 2,55 | |
| *2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn* | | | |
| + Hệ số Nợ/Tổng tài sản | 0,47 | 0,67 | |
| + Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu | 0,89 | 2,58 | |
| *3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động* | | | |
| + Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân | 2,82 | 3,48 | |
| + Doanh thu thuần/Tổng tài sản | 0,48 | 0,15 | |
| *4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời* | | | |
| + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần | 1,84% | 93,19% | |
| + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu | 1,67% | 55,24% | |
| + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản | 0,89% | 14,30% | |
| + Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần | 3,71% | 94,20% | |

## 5. *Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu*

a) Cổ phần:

- Tổng số cổ phần: 22.516.955 cổ phần
- Loại cổ phần đang lưu hành: cổ phần phổ thông
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 22.516.955 cổ phần
- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phần

b) Cơ cấu cổ đông: (tính đến 03/10/2014)

| TT | Đối tượng | Số lượng cổ phiếu | Tỷ lệ sở hữu (%) | Số lượng cổ đông | Cơ cấu cổ đông (*) | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | *Tổ chức* | *Cá nhân* |
| 1 | Cổ đông Nhà nước | | | | | |
| 2 | Cổ đông sáng lập/ cổ đông FDI | | | | | |

| | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | *- Trong nước* | | | | | |
| | *- Nước ngoài* | | | | | |
| 3 | Cổ đông lớn (sở hữu từ 5% vốn CP trở lên) | 16.175.889 | 71,84 | 3 | 1 | 2 |
| | *- Trong nước* | 16.175.889 | 71,84 | 3 | 1 | 2 |
| | *- Nước ngoài* | | | | | |
| 4 | Công đoàn Công ty | | | | | |
| | *- Trong nước* | | | | | |
| | *- Nước ngoài* | | | | | |
| 5 | Cổ phiếu quỹ | 418.210 | 1,86 | | | |
| 6 | Cổ đông sở hữu cổ phiếu ưu đãi (nếu có) | | | | | |
| 7 | Cổ đông khác | 5.922.856 | 26,30 | | | |
| | *- Trong nước* | 5.852.956 | 25,99 | 643 | 23 | 620 |
| | *- Nước ngoài* | 69.900 | 0,31 | 35 | 3 | 32 |
| **TỔNG CỘNG** | | **22.516.955** | **100,00** | **681** | **27** | **654** |
| ***Trong đó: - Trong nước*** | | **22.447.055** | **99,69** | **646** | **24** | **622** |
| ***- Nước ngoài*** | | **69.900** | **0,31** | **35** | **3** | **32** |

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu (tính đến 31/12/2014):

Trong tháng 08/2014, Công ty đã phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu với kết quả như sau:

- Số cổ phiếu đã phân phối : 7.366.236 cổ phiếu
- Số cổ đông được phân phối : 302 cổ đông
- Giá trị vốn tăng thêm : 73.662.360.000 đồng
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành : 22.098.745 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu quỹ : 418.210 cổ phiếu

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: không có

e) Các chứng khoán khác: không có

## III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc:

### *1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh*

*1.1 Đầu tư và kinh doanh địa ốc*

- Hoàn thành công tác xin gấy chứng nhận quyền sở hữu nhà cho cư dân, 5 tầng thương mại và tầng hầm B1 Cao ốc Lữ Gia;
- Hoàn thành cơ bản công tác đầu tư, thanh quyết toán chi phí đầu tư Cao ốc Lữ Gia;
- Hoàn thiện bộ máy quản lý, khai thác tòa nhà.

*1.2 Sản xuất và kinh doanh sản phẩm cơ khí điện, thi công lắp đặt hệ thống chiếu sáng công cộng*

- Sản lượng sản xuất của nhà máy năm 2014 bằng 104,3% so với năm 2013;
- Công ty đã tham gia đấu thầu và đã được giao thi công nhiều dự án xây dựng hệ thống chiếu sáng lớn ở TP. HCM như sân Golf Tân Sơn Nhất khu B và D, đường Tân Sơn Nhất – Bình lợi giai đoạn 2, Cầu Hậu Giang, Đường Hậu Giang – Công viên Phú Lâm, cầu Đồng Nai mới và một số dự án ở Phú Quốc, Long An; Công ty đã thi công dứt điểm và làm quyết toán các dự án như : HTCS sân Golf Long Biên HN; cầu Hóa An, tuyến tránh Biên Hòa, sân Golf Tân Sơn Nhất khu A và C.

*1.3 Công tác tái cấu trúc Công ty*

- Các doanh nghiệp dự án (Công ty con và Công ty liên kết) hoạt động ổn định, hiệu quả nhờ sự phối hợp, hỗ trợ có hiệu quả của Công ty CII;
- Công tác huy động vốn để đầu tư vào các dự án tiếp nhận từ Công ty CII được thực hiện tốt theo chỉ đạo của HĐQT, ĐHĐCĐ.
- Thực hiện tốt chủ trương tái cấu trúc Công ty theo chỉ đạo của HĐQT, áp dụng phương pháp quản lý phù hợp với từng bộ phận đảm bảo bộ máy tinh gọn hoạt động hiệu quả, kiểm soát chi phí, kiểm soát chất lượng và tiến độ đáp ứng yêu cầu hoạt động và phát triển của Công ty.

*1.4 Hoạt động của các công ty con, công ty liên kết*

- Các công ty con và công ty liên kết hoạt động ổn định với người đại diện vốn được CII cử tham gia vẫn tiếp tục làm nhiệm vụ tại các doanh nghiệp dự án theo thỏa thuận nguyên tắc giữa CII và CII B&R;
- Với kinh nghiệm nhiều năm của CII trong công tác quản trị dự án, các dự án được chuyển giao được quản lý tốt, có hiệu quả cao đem lại lợi ích ổn định cho Công ty.

## *2. Tình hình tài chính:*

a) Tình hình tài sản

| TÀI SẢN | Mã số | 31/12/2014 | 01/01/2014 |
|---|---|---|---|
| **A. TÀI SẢN NGẮN HẠN** | **100** | **474.637.246.734** | **140.654.129.399** |
| **I. Tiền và các khoản tương đương tiền** | **110** | **44.211.919.920** | **6.759.914.370** |
| 1. Tiền | 111 | 44.211.919.920 | 6.759.914.370 |
| **II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn** | **120** | **-** | **17.502.900.000** |
| 1. Đầu tư ngắn hạn | 121 | - | 17.502.900.000 |
| **III. Các khoản phải thu ngắn hạn** | **130** | **356.295.446.415** | **51.584.358.826** |
| 1. Phải thu khách hàng | 131 | 304.201.118.769 | 47.666.709.762 |
| 2. Trả trước cho người bán | 132 | 5.337.597.354 | 6.373.781.458 |
| 5. Các khoản phải thu khác | 135 | 50.651.342.067 | 771.821.334 |
| 6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 139 | (3.894.611.775) | (3.227.953.728) |
| **IV. Hàng tồn kho** | **140** | **62.013.716.479** | **60.666.555.034** |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | 62.641.324.051 | 60.761.426.801 |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | (627.607.572) | (94.871.767) |
| **V. Tài sản ngắn hạn khác** | **150** | **12.116.163.920** | **4.140.401.169** |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | 239.561.061 | 249.612.922 |
| 2. Thuế GTGT được khấu trừ | 152 | 7.221.671.927 | - |
| 3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước | 154 | 2.779.507.173 | - |
| 4. Tài sản ngắn hạn khác | 158 | 1.875.423.759 | 3.890.788.247 |
| **B. TÀI SẢN DÀI HẠN** | **200** | **1.199.913.067.784** | **299.110.250.936** |
| **I. Các khoản phải thu dài hạn** | **210** | **764.162.014.150** | **-** |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng | 211 | 764.162.014.150 | - |
| **II. Tài sản cố định** | **220** | **61.047.548.851** | **78.850.006.286** |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | 53.720.123.021 | 63.586.952.889 |
| *Nguyên giá* | *222* | *81.813.600.348* | *88.953.939.765* |
| *Giá trị hao mòn lũy kế* | *223* | *(28.093.477.327)* | *(25.366.986.876)* |
| 3. Tài sản cố định vô hình | 227 | 7.198.404.557 | 7.354.946.512 |
| *Nguyên giá* | *228* | *8.131.674.450* | *8.126.674.450* |
| *Giá trị hao mòn lũy kế* | *229* | *(933.269.893)* | *(771.727.938)* |

| | | | |
|---|---|---|---|
| 4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | *230* | 129.021.273 | 7.908.106.885 |
| **III. Bất động sản đầu tư** | **240** | **-** | **219.809.273.985** |
| *Nguyên giá* | *241* | - | *226.240.674.030* |
| *Giá trị hao mòn lũy kế* | *242* | - | *(6.431.400.045)* |
| **IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn** | **250** | **211.546.226.410** | **-** |
| 3. Đầu tư dài hạn khác | 258 | 214.449.126.410 | - |
| 4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính | 259 | (2.902.900.000) | - |
| **V. Tài sản dài hạn khác** | **260** | **143.478.569** | **450.970.665** |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | 143.478.569 | 450.970.665 |
| **VI. Lợi thế thương mại** | **269** | **163.013.799.804** | **-** |
| **TỔNG CỘNG TÀI SẢN** | **270** | **1.674.550.314.518** | **439.764.380.335** |

b) Tình hình nợ phải trả:

– Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ.

Tình hình các khoản nợ biến động lớn là do trong quý 4/2014 Công ty tái cơ cấu và đầu tư vào các dự án cầu đường mà chủ yếu nhận chuyển nhượng các dự án cầu đường từ CII. Do đó các khoản nợ phải trả biến động lớn.

| NỢ PHẢI TRẢ | Mã số | 31/12/2014 | 01/01/2014 |
|---|---|---|---|
| **A. NỢ PHẢI TRẢ** | **300** | **1.116.794.930.555** | **207.104.666.691** |
| **I. Nợ ngắn hạn** | **310** | **162.035.204.501** | **67.029.446.545** |
| 1. Vay và nợ ngắn hạn | 311 | 70.940.839.208 | 9.002.167.616 |
| 2. Phải trả người bán | 312 | 28.396.007.425 | 15.482.326.271 |
| 3. Người mua trả tiền trước | 313 | 10.415.743.678 | 19.977.102.472 |
| 4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 314 | 1.941.252.846 | 6.557.032.407 |
| 5. Phải trả người lao động | 315 | - | 679.365.551 |
| 6. Chi phí phải trả | 316 | 29.403.023.515 | 13.064.069.567 |
| 7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác | 319 | 11.973.404.076 | 469.091.108 |
| 8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 323 | 8.964.933.753 | 1.798.291.553 |

| | | | |
|---|---|---|---|
| **II. Nợ dài hạn** | **330** | **954.759.726.054** | **140.075.220.146** |
| 1. Phải trả dài hạn khác | 333 | 779.531.468.549 | 25.969.744.960 |
| 2. Vay và nợ dài hạn | 334 | 174.906.899.750 | 113.745.592.945 |
| 3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 335 | 70.610.038 | - |
| 4. Doanh thu chưa thực hiện | 338 | 250.747.717 | 359.882.241 |

### *3. Kế hoạch năm 2015:*

- Chuyên môn hóa đầu tư lĩnh vực hạ tầng cầu đường.
- Tiếp nhận các dự án đầu tư cầu đường hiện có của Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật TPHCM (CII) để khai thác có hiệu quả và làm tiền đề cho sự phát triển các dự án tiếp theo.
- Đầu tư phát triển các dự án mới. Từng bước nâng cao năng lực đầu tư để tham gia đầu tư vào những dự án BT, BOT về giao thông.
- Hình thành một kênh đầu tư và huy động vốn để thực hiện chủ trương của Chính phủ trong việc phát triển hạ tầng giao thông.
- Trở thành doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực đầu tư và khai thác hạ tầng đường bộ tại Việt Nam.
- Trở thành thương hiệu uy tín tại Việt Nam trong việc huy động các nguồn vốn trong nước và quốc tế để phát triển hạ tầng giao thông đường bộ Việt Nam.
- Tận dụng chuyên môn và công nghệ của các đối tác chiến lược để phát triển hạ tầng đường bộ Việt Nam theo hướng hiện đại và bền vững.
- Phát triển bền vững và mang lại lợi ích lâu dài cho cổ đông và các đối tác.

## IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

### *1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty*

- Trong năm 2014, nền kinh tế trong nước vẫn còn nhiều khó khăn chưa có dấu hiệu hồi phục ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động của Công ty, tuy nhiên Công ty đã có nhiều cố gắng để phát triển sản xuất kinh doanh đạt kết quả tốt, đảm bảo lợi ích cho các cổ đông.
- Thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Công ty đã hoàn t ất thủ tục tái cấu trúc công ty, đổi tên công ty từ Công ty Cổ phần Cơ khí Điện Lữ Gia thành Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII, mở rộng lĩnh vực hoạt động kinh doanh chuyên đầu tư xây dựng các dự án về cầu đường. Đồng thời thành lập 02 công ty con trực thuộc là Công ty Cổ phần Cơ khí Điện Lữ Gia và Công ty TNHH MTV Đầu tư Kinh doanh Địa ốc Lữ Gia.
- Thực hiện tốt chỉ đạo của HĐQT về việc hoàn thiện bộ máy quản lý, áp dụng phương pháp quản lý phù hợp, tinh gọn bộ máy nhân sự, giảm chi phí, kiểm soát rủi ro, tăng hiệu quả hoạt động cho Công ty. Hệ thống các quy định, quy chế được

xây dựng, trình HĐQT phê duyệt đưa vào thực hiện giúp Công ty hoạt động có hệ thống, thống nhất, đúng quy định.

### 2. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty*

- Với sự chỉ đạo của Hội đồng quản trị và sự nỗ lực Ban điều hành, Công ty đã nâng cao uy tín với cơ quan quản lý nhà nước, phát triển các mối quan hệ với các chủ đầu tư dự án mang lại cho Công ty nhiều dự án, tạo nhiều việc làm cho người lao động, lợi nhuận sau thuế vượt kế hoạch được giao.
- Việc Ban điều hành công ty mạnh dạn áp dụng phương án quản lý mới, phù hợp cho các đơn vị trực thuộc giúp tinh gọn bộ máy quản lý, giảm chi phí, nâng cao đời sống cho người lao động, công tác quản lý chất lượng, tiến độ được thực hiện tốt hơn.
- Thực hiện tốt phương án sắp xếp lao động trong quá trình tái cấu trúc công ty giúp người lao động yên tâm công tác. Tổ chức quản lý tốt các dự án nhận chuyển giao giúp cho các doanh nghiệp dự án hoạt động ổn định, hiệu quả.

### 3. *Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị*

Trong năm 2015, HĐQT sẽ tập trung chỉ đạo các hoạt động chủ yếu như sau:

- Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2015;
- Chỉ đạo thực hiện kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2015;
- Chỉ đạo định hướng kế hoạch phát triển dài hạn của Công ty;
- Tiếp tục công tác giám sát đối với Tổng giám đốc và các thành viên Ban điều hành, hoạt động sản xuất kinh doanh của các công ty con trực thuộc.
- Chỉ đạo kiện toàn bộ máy quản lý để nâng cao hiệu quả hoạt động quản lý điều hành của Công ty.

## V. Quản trị công ty

### 1. *Hội đồng quản trị*

Công ty Cổ phần đầu tư cầu đường CII được tổ chức và điều hành theo mô hình Công ty Cổ phần, tuân thủ theo các quy định của pháp luật.

Thành viên HĐQT được nhận thù lao cho công việc của mình với tư cách là thành viên HĐQT, tổng mức thù lao của HĐQT sẽ do ĐHĐCĐ quyết định và được ghi chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty.

HĐQT chọn trong các thành viên của mình 1 người để bầu làm chủ tịch, có trách nhiệm triệu tập và chủ tọa ĐHĐCĐ và các cuộc họp của HĐQT. Chủ tịch HĐQT lập kế hoạch, nội dung, địa điểm, thời gian họp ít nhất 7 ngày trước ngày họp dự kiến.

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

| Họ và tên | Chức danh | Tỷ lệ sở hữu cổ phần | Thành viên không điều hành | Thành viên độc lập |
|---|---|---|---|---|
| 1. Ông Lê Vũ Hoàng - Đại diện cho CII nắm giữ cổ phần LGC | Chủ tịch | 57,63 % | x | |
| 2. Ông Lê Quốc Bình | Thành viên | 8,88 % | x | |
| 3. Ông Nguyễn Văn Thành | Thành viên | 0,13 % | | |
| 4. Ông Đào Vĩnh Phương (miễn nhiệm ngày 25/10/2014) | Thành viên | 0 | x | |
| 5. Ông Trần Anh Tuấn | Thành viên | 0 | | x |
| 6. Ông Dương Trường Hải (bổ nhiệm ngày 25/10/2014) | Thành viên | 0 | x | x |

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Các phiên họp Hội đồng quản trị trong năm 2014:

| TT | Số Nghị quyết | Ngày | Kết quả phiên họp |
|---|---|---|---|
| 1 | Nghị quyết số 01/NQ-HĐQT | 06/01/2014 | Thông qua chủ trương mua cổ phiếu quỹ LGC và xin hủy niêm yết cổ phiếu LGC |
| 2 | Nghị quyết số 02/NQ-HĐQT | 17/02/2014 | Thông qua kế hoạch các chỉ tiêu tài chính năm 2014, và triệu tập đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 |
| 3 | Nghị quyết số 03/NQ-HĐQT | 29/04/2014 | Thống nhất chủ trương vay vốn ngân hàng BIDV 100 tỷ để bổ sung vốn hoạt động SXKD |
| 4 | Nghị quyết số 04/NQ-HĐQT | 29/04/2014 | Thống nhất chủ trương vay vốn ngân hàng Eximbank 100 tỷ để tái đầu tư dự án cao ốc Lữ Gia |
| 5 | Nghị quyết số 05/NQ-HĐQT | 29/05/2014 | Thống nhất cho thành lập 02 công ty con thuộc Công ty Cổ phần Cơ khí Điện Lữ Gia |
| 6 | Nghị quyết số 06/NQ-HĐQT | 05/06/2014 | Thống nhất triệu tập đại hội đồng cổ đông bất thường 2014 và thông qua chủ trương hủy bỏ quyết định xin hủy niêm yết tự nguyện cổ phiếu LGC và phát hành cổ phiếu tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu, tái cơ cấu công ty LGC. |

| TT | Số Nghị quyết | Ngày | Kết quả phiên họp |
|---|---|---|---|
| 7 | Nghị quyết số 07/NQ-HĐQT | 03/7/2014 | Hội đồng quản trị thông qua các nội dung của đại hội đồng cổ đông bất thường lần 1 (năm 2014). |
| | Ngày 21/7/2014 Đại hội đồng cổ đông bất thường thông qua việc đổi tên Công ty Cổ phần Cơ khí Điện Lữ Gia thành Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII. | | |
| 8 | Nghị quyết số 01/NQ-HĐQT | 15/8/2014 | HĐQT thống nhất thành lập công ty con trực thuộc lấy lại tên Công ty Cổ phần Cơ khí Điện Lữ Gia |
| 9 | Nghị quyết số 02/NQ-HĐQT | 08/9/2014 | Phê duyệt phương án sử dụng lao động và thay đổi cơ cấu tổ chức công ty. |
| 10 | Nghị quyết số 03/NQ-HĐQT | 22/9/2014 | Thống nhất triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 2 (năm 2014) |
| 11 | Nghị quyết số 04/NQ-HĐQT | 22/9/2014 | Thống nhất việc chuyển nhượng tài sản cho 02 công ty con trực thuộc: Công ty Cổ phần Cơ khí Điện Lữ Gia và Công ty TNHH MTV Đầu tư Kinh doanh Địa ốc Lữ Gia. |
| 12 | Nghị quyết số 05/NQ-HĐQT | 29/9/2014 | Thông qua các nội dung Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 2 (năm 2014): Thông qua cơ chế nhận chuyển giao các dự án đầu tư về cầu đường từ Công ty CII; phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu; phát hành cổ phiếu riêng lẻ và phát hành trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ; thay đổi mục đích sử dụng vốn trong đợt chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu (năm 2013) |
| 13 | Nghị quyết số 06/NQ-HĐQT | 01/10/2014 | Thông qua chủ trương góp vốn hợp tác đầu tư và khai thác quyền thu phí giao thông trên Xa lộ Hà Nội để hoàn vốn xây dựng cầu Rạch Chiếc với Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật TP.HCM (CII). |
| 14 | Nghị quyết số 07/NQ-HĐQT | 01/10/2014 | Thông qua Thỏa thuận nguyên tắc về giao thầu phụ và thực hiện các hợp đồng với nhà cung cấp giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII và Công ty Cổ phần Cơ khí điện Lữ Gia |
| 15 | Nghị quyết số 08/NQ-HĐQT | 02/10/2014 | Chấp thuận cho chuyển nhượng 7.800.000 cổ phần (99,8% vốn điều lệ) của Công ty Cổ phần Cơ khí điện Lữ Gia cho Công ty Cổ phần xây dựng Hạ tầng CII (E&C) |
| 16 | Nghị quyết số 09/NQ-HĐQT | 02/10/2014 | Chấp thuận cho mở hạn mức tín dụng để vay 275 tỷ đồng tại Ngân hàng Xuất nhập khẩu VN – CN HCM để hợp tác đầu tư với Công ty CII trong việc khai thác quyền quản lý thu phí giao thông trên Xa lộ Hà Nội |

| TT | Số Nghị quyết | Ngày | Kết quả phiên họp |
|---|---|---|---|
| | | | nhằm hoàn vốn xây dựng cầu Rạch Chiếc; nhận chuyển nhượng cổ phần các công ty dự án từ Công ty CII vàbổ sung vốn đầu tư dài hạn. |
| 17 | Nghị quyết số 10/NQ-HĐQT | 03/10/2014 | Thông qua việc chuyển nhượng tài sản từ Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII cho 02 công ty con. |
| 18 | Nghị quyết số 11/NQ-HĐQT | 06/10/2014 | Chấp thuận đơn từ nhiệm của ông Đào Vĩnh Phương và thống nhất đề cử ông Dương Trường Hải tham gia ứng cử TV HĐQT nhiệm kỳ 2013-2018. |
| 19 | Nghị quyết số 12/NQ-HĐQT | 27/10/2014 | Phê duyệt nội dung hợp đồng chuyển nhượng các dự án đầu tư về cầu đường từ Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật TP.HCM. |
| 20 | Nghị quyết số 13/NQ-HĐQT | 27/10/2014 | Phê duyệt nội dung Thỏa thuận chuyển nhượng tài sản giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu Đường CII và 02 công ty con: Công ty CP Cơ khí Điện Lữ Gia và Công ty TNHH MTV Đầu tư Kinh doanh Địa ốc Lữ Gia. |
| 21 | Nghị quyết số 14/NQ-HĐQT | 28/10/2014 | Thống nhất đăng ký tăng vốn điều lệ từ 151.507.190.000 đồng lên 225.169.550.000 đồng |
| 22 | Nghị quyết số 15/NQ-HĐQT | 31/10/2014 | Thông qua bộ hồ sơ đăng ký phát hành c ổ phiếu ra công chúng. |
| 23 | Nghị quyết số 16/NQ-HĐQT | 13/11/2014 | Phê duyệt nội dung Thỏa thuận nguyên tắc hợp tác đầu tư với một số cá nhân mua cổ phần các công ty dự án. |
| 24 | Nghị quyết số 17/NQ-HĐQT | 26/11/2014 | Thông qua việc điều chỉnh điều 8 Thỏa thuận nguyên tắc hợp tác đầu tư với một số cá nhân mua cổ phần các công ty dự án ký ngày 13/11/2014. |
| 25 | Nghị quyết số 18/NQ-HĐQT | 02/12/2014 | Thông qua việc chuyển nhượng phần vốn góp vào Công ty TNHH MTV Đầu tư Kinh doanh Địa ốc Lữ Gia cho Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật TP.HCM. |
| 26 | Nghị quyết số 19/NQ-HĐQT | 08/12/2014 | Thống nhất cử người đại diện vốn góp tại Công ty Cổ phần Cầu đường Hiền An Bình |
| 27 | Nghị quyết số 20/NQ-HĐQT | 24/12/2014 | Thống nhất tạm ứng cổ tức năm 2014 với tỷ lệ 12%/mệnh giá và chốt danh sách cổ đông để thực hiện chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo Giấy chứng nhận của UBCKNN. |
| 28 | Nghị quyết số 21/NQ-HĐQT | 30/12/2014 | Thống nhất điều chỉnh vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Cầu đường Hiền An Bình là 287.000.000.000 đồng. |

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành.

Các thành viên HĐQT độc lập không điều hành kiêm nhiệm làm công tác ở các đơn vị khác.

e) Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Không có

f) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm: Không có

## 2. *Ban Kiểm soát*

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

| Họ và tên | Chức danh | Tỷ lệ sở hữu cổ phần |
|---|---|---|
| 1. Ông Trần Ngọc Tiến | Trưởng Ban Kiểm soát | 0,21% |
| 2. Bà Lê Thị Vân | Thành viên | 0,00004% |
| 3. Bà Dương Thị Long Nghi | Thành viên | 0% |

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

Do các thành viên đều là kiêm nhiệm, không có điều kiện thường xuyên tại Công ty, BKS thực hiện việc trao đổi các thông tin thông qua điện thoại, email. Trong trường hợp cần thiết, BKS làm việc với các bộ phận liên quan để kiểm tra, thu thập tài liệu.

BKS đã trao đổi với Ban Điều hành về các thông tin liên quan đến hoạt động của công ty, nhắc nhở và chấn chỉnh kịp thời một số vấn đề phát sinh. Tham gia đầy đủ các phiên họp HĐQT (được mời tham dự).

❖ Về công tác giám sát hoạt động của HĐQT và Ban điều hành:

- Về hoạt động HĐQT:

  Trong năm 2014 Ban Kiểm soát đã tham gia một số cuộc họp Hội đồng quản trị được mời tham dự, thảo luận và có ý kiến đóng góp các phương án thực hiện trong việc tổ chức hoạt động, điều hành sản xuất kinh doanh cũng như các hoạt động về đầu tư xây dựng cơ bản.

  Qua quá trình theo dõi và giám sát hoạt động của HĐQT và Ban điều hành, thông qua các biên bản làm việc, nghị quyết và các báo cáo, Ban Kiểm soát nhận thấy các hoạt động của HĐQT và Ban điều hành nói chung đúng theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

- Về giám sát công tác điều hành hoạt động của Công ty:

Trong tình hình khó khăn của kinh tế Việt Nam năm qua, Ban điều hành Công ty đã có các nỗ lực trong việc duy trì và phát triển hoạt động kinh doanh.

Công ty đã phát hành thành công 7.366.236 cổ phiếu, tương đương giá trị vốn tăng thêm 73.662.360.000 đồng. Đưa tổng số vốn điều lệ của Công ty lên: 225.169.550.000 đồng

Các sự kiện lớn, các giao dịch nội bộ, cổ đông lớn, báo cáo quản trị, nghị quyết của HĐQT, báo cáo tài chính hàng quý của Công ty đều được công bố công khai trên trang web của Sở GDCK TP.HCM và các phương tiện thông tin đại chúng. Báo cáo tài chính của Công ty đều được công ty kiểm toán độc lập kiểm tra soát xét trước khi công bố theo quy định.

Ban Kiểm soát nhận được sự hỗ trợ tốt từ Hội đồng quản trị, Ban điều hành Công ty trong quá trình hoạt động.

Trong năm, BKS không nhận được đơn thư khiếu nại nào phản ánh về hoạt động của HĐQT và Ban điều hành của Công ty.

❖ Về thẩm định báo cáo báo cáo tài chính của Công ty:

Trong năm, Ban Kiểm soát thường xuyên nắm bắt tình hình thông qua bộ phận kế toán và kiểm toán độc lập.

Ban Kiểm soát đã xem xét ý kiến trong việc lựa chọn công ty kiểm toán độc lập là Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Tài chính Quốc tế (IFC).

BKS đã tiến hành kiểm tra và thống nhất về mặt cơ bản với báo cáo tài chính 2014 của Công ty CP Đầu tư Cầu Đường CII đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Tư vấn Tài chính Quốc tế (IFC).

## 3. *Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát*

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

- Các khoản thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát trong năm 2014:

| STT | Họ và tên | Chức danh | Tổng cộng |
|---|---|---|---|
| **I** | **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ** | | |
| 1 | Ông Lê Vũ Hoàng | Chủ tịch | 0 |
| 2 | Ông Lê Quốc Bình | Thành viên | 0 |
| 3 | Ông Nguyễn Văn Thành | Thành viên | 0 |
| 4 | Ông Đào Vĩnh Phương (miễn nhiệm ngày 25/10/2014) | Thành viên | 0 |
| 5 | Ông Dương Trường Hải | Thành viên | 0 |

| | | | |
|---|---|---|---|
| | (bổ nhiệm ngày 25/10/2014) | | |
| 6 | Ông Trần Anh Tuấn | Thành viên | 0 |
| **II** | **BAN KIỂM SOÁT** | | |
| 1 | Ông Trần Ngọc Tiến | Trưởng Ban | 0 |
| 2 | Bà Lê Thị Vân | Thành viên | 0 |
| 3 | Bà Dương Thị Long Nghi | Thành viên | 0 |

- Các khoản lương, thưởng Ban điều hành trong năm 2014:

+ Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 18/08/2014:

| STT | Họ và tên | Lương và thưởng |
|---|---|---|
| 1 | Nguyễn Văn Thành | 210.320.000 |
| 2 | Nguyễn Văn Thông | 186.560.000 |
| 3 | Nguyễn Thanh Bình | 236.591.000 |
| 4 | Nguyễn Chí Hiếu | 173.180.000 |
| 5 | Nguyễn Tuấn Phong | 204.531.708 |
| 6 | Trần Anh Tuấn | 191.020.000 |
| 7 | Võ Thanh Thế | 161.120.000 |
| 8 | Phan Diện Nam | 170.880.000 |
| | **Cộng** | **1.534.202.708** |

+ Từ ngày 18/08/2014 trở về sau:

| STT | Họ và tên | Lương và thưởng |
|---|---|---|
| 1 | Nguyễn Văn Thành | 112.860.000 |
| 2 | Nguyễn Văn Thông | 97.260.000 |
| | **Cộng** | **210.120.000** |

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

| STT | Họ tên | Ngày giao dịch | Giao dịch | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Nguyễn Văn Thành | 24/09/2014 – 23/10/2014 | Mua 20.000 cổ phiếu LGC | TV HĐQT kiêm Tổng Giám đốc |

| STT | Họ tên | Ngày giao dịch | Giao dịch | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|
| 2 | Lê Quốc Bình | 03/10/2014 | Mua 100.000 cổ phiếu LGC | TV HĐQT |
| 3 | Lê Quốc Bình | 30/09/2014 | Mua 2.000.000 cổ phiếu LGC | TV HĐQT |
| 4 | Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật TPHCM (CII) | 23/09/2014 | Bán 5.420.730 cổ phiếu LGC | Chủ tịch HĐQT |
| 5 | Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật TPHCM (CII) | 11/09/2014 | Bán 1.479.270 cổ phiếu LGC | Chủ tịch HĐQT |
| 6 | Lê Thị Vân | 13/02/2014 – 28/02/2014 | Bán 40.000 cổ phiếu LGC | TV Ban Kiểm soát |

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:

- Hợp đồng hợp tác đầu tư ký ngày 01/10/2014 giữa Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật TPHCM và Công ty CP Đầu tư Cầu Đường CII;
- Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội số 76/2014/HĐCN/CII-CIIB&R ngày 31/10/2014 giữa Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật TPHCM và Công ty CP Đầu tư Cầu Đường CII;
- Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Ninh Thuận số 77/2014/HĐCN/CII-CIIB&R ngày 31/10/2014 giữa Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật TPHCM và Công ty CP Đầu tư Cầu Đường CII;
- Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu số 78/2014/HĐCN/CII-CIIB&R ngày 31/10/2014 giữa Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật TPHCM và Công ty CP Đầu tư Cầu Đường CII;
- Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu Sài Gòn số 79/2014/HĐCN/CII-CIIB&R ngày 31/10/2014 giữa Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật TPHCM và Công ty CP Đầu tư Cầu Đường CII.
- Hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp Công ty TNHH MTV Đầu tư Kinh doanh Địa ốc Lữ Gia số 93/2014/HĐCN/CII-CIIB&R ngày 02/12/2014 giữa Công ty CP Đầu tư Cầu Đường CII và Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật TPHCM.

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Công ty thực hiện đầy đủ các đúng qui định về quản trị công ty.

## VI. Báo cáo tài chính

### *1. Ý kiến kiểm toán*

2. ***Báo cáo tài chính được kiểm toán*** (Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật về kế toán và kiểm toán. Trường hợp theo quy định của pháp luật về kế toán và kiểm toán, công ty phải lập Báo cáo tài chính hợp nhất hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp thì Báo cáo tài chính trình bày trong Báo cáo thường niên là Báo cáo tài chính hợp nhất đồng thời nêu địa chỉ công bố, cung cấp báo cáo tài chính của công ty mẹ hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp).

**Xác nhận của đại diện theo pháp luật**
**của Công ty**

M.S.D.N: 0300482241 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẦU ĐƯỜNG CII
QUẬN 11 - TP HỒ CHÍ MINH

**NGUYỄN VĂN THÀNH**

CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ
International Auditing and Financial Consulting Company

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẦU ĐƯỜNG CII
**(trước đây là Công ty Cổ phần Cơ khí điện Lữ Gia)**

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
**cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014**

Thành viên hãng **AGN** International | Member Firm of **AGN** International
**Kiểm toán** - Audit | **Thuế** - Tax | **Tư vấn** - Advisory

# MỤC LỤC


| NỘI DUNG | TRANG |
|---|---|
| BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC | 1 |
| BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP | 2 |
| BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT | 3 - 4 |
| BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT | 5 |
| BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT | 6 |
| THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT | 7 - 36 |

# BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty mẹ đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

**Hội đồng Quản trị**

| | |
|---|---|
| Ông Lê Vũ Hoàng | Chủ tịch |
| Ông Lê Quốc Bình | Thành viên |
| Ông Nguyễn Văn Thành | Thành viên |
| Ông Trần Anh Tuấn | Thành viên |
| Ông Dương Trường Hải | Thành viên (bổ nhiệm ngày 25 tháng 10 năm 2014) |
| Ông Đào Vĩnh Phương | Thành viên (miễn nhiệm ngày 25 tháng 10 năm 2014) |

**Ban Tổng Giám đốc**

| | |
|---|---|
| Ông Nguyễn Văn Thành | Tổng Giám đốc |
| Ông Nguyễn Văn Thông | Giám đốc tài chính |
| Ông Nguyễn Thanh Bình | Giám đốc nhà máy |
| Ông Nguyễn Chí Hiếu | Giám đốc dự án |

## TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty mẹ và các công ty con sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẦU ĐƯỜNG CII

**Nguyễn Văn Thành**
Tổng Giám đốc
*Ngày 4 tháng 2 năm 2015*

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ
Branch of International Auditing and Financial Consulting Company Limited
Địa chỉ: Lầu 5, tòa nhà Hải Âu TIC, 39B Trường Sơn, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Address: 5th Fl., Hai Au TIC Building, 39B Truong Son Street, Ward 4, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, S.R. Vietnam
Tel: +84.8 3547 2323 | Fax: +84.8 3547 2579 | Email: ifchcm@ifcvietnam.com.vn | Website: www.ifcvietnam.com.vn

Số: 255/2015/BCKT-IFCHCM

# BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** **Các Cổ đông**
**Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**
**Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 4 tháng 2 năm 2015, từ trang 3 đến trang 36 bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (gọi chung là "báo cáo tài chính hợp nhất").

***Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc***

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

***Ý kiến của Kiểm toán viên***

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

**Lương Xuân Trường**
Giám đốc Chi nhánh
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1741-2013-072-1

**Lương Giang Thạch**
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 2178-2013-072-1

*TP. Hồ Chí Minh, ngày 4 tháng 2 năm 2015*

# BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 01-DN/HN
Đơn vị: VND

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2014 | 01/01/2014 |
|---|---|---|---|---|
| **A. TÀI SẢN NGẮN HẠN** | **100** | | **474.637.246.734** | **140.654.129.399** |
| **I. Tiền và các khoản tương đương tiền** | **110** | | **44.211.919.920** | **6.759.914.370** |
| 1. Tiền | 111 | 4 | 44.211.919.920 | 6.759.914.370 |
| **II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn** | **120** | | - | **17.502.900.000** |
| 1. Đầu tư ngắn hạn | 121 | | - | 17.502.900.000 |
| **III. Các khoản phải thu ngắn hạn** | **130** | | **356.295.446.415** | **51.584.358.826** |
| 1. Phải thu khách hàng | 131 | | 304.201.118.769 | 47.666.709.762 |
| 2. Trả trước cho người bán | 132 | | 5.337.597.354 | 6.373.781.458 |
| 5. Các khoản phải thu khác | 135 | 5 | 50.651.342.067 | 771.821.334 |
| 6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 139 | | (3.894.611.775) | (3.227.953.728) |
| | | | | - |
| **IV. Hàng tồn kho** | **140** | **6** | **62.013.716.479** | **60.666.555.034** |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | | 62.641.324.051 | 60.761.426.801 |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | | (627.607.572) | (94.871.767) |
| **V. Tài sản ngắn hạn khác** | **150** | | **12.116.163.920** | **4.140.401.169** |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | | 239.561.061 | 249.612.922 |
| 2. Thuế GTGT được khấu trừ | 152 | | 7.221.671.927 | - |
| 3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước | 154 | 7 | 2.779.507.173 | - |
| 4. Tài sản ngắn hạn khác | 158 | 8 | 1.875.423.759 | 3.890.788.247 |
| **B. TÀI SẢN DÀI HẠN** | **200** | | **1.199.913.067.784** | **299.110.250.936** |
| **I. Các khoản phải thu dài hạn** | **210** | **9** | **764.162.014.150** | - |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng | 211 | | 764.162.014.150 | - |
| **II. Tài sản cố định** | **220** | | **61.047.548.851** | **78.850.006.286** |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | 10 | 53.720.123.021 | 63.586.952.889 |
| *Nguyên giá* | *222* | | *81.813.600.348* | *88.953.939.765* |
| *Giá trị hao mòn lũy kế* | *223* | | *(28.093.477.327)* | *(25.366.986.876)* |
| 3. Tài sản cố định vô hình | 227 | 11 | 7.198.404.557 | 7.354.946.512 |
| *Nguyên giá* | *228* | | *8.131.674.450* | *8.126.674.450* |
| *Giá trị hao mòn lũy kế* | *229* | | *(933.269.893)* | *(771.727.938)* |
| 4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | *230* | 12 | 129.021.273 | 7.908.106.885 |
| **III. Bất động sản đầu tư** | **240** | | - | **219.809.273.985** |
| *Nguyên giá* | *241* | | - | *226.240.674.030* |
| *Giá trị hao mòn lũy kế* | *242* | | - | *(6.431.400.045)* |
| **IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn** | **250** | **13** | **211.546.226.410** | - |
| 3. Đầu tư dài hạn khác | 258 | | 214.449.126.410 | - |
| 4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính | 259 | | (2.902.900.000) | - |
| **V. Tài sản dài hạn khác** | **260** | | **143.478.569** | **450.970.665** |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | | 143.478.569 | 450.970.665 |
| **VI. Lợi thế thương mại** | **269** | **14** | **163.013.799.804** | - |
| **TỔNG CỘNG TÀI SẢN** | **270** | | **1.674.550.314.518** | **439.764.380.335** |

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 01-DN/HN
Đơn vị: VND

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2014 | 01/01/2014 |
|---|---|---|---|---|
| **A. NỢ PHẢI TRẢ** | **300** | | **1.116.794.930.555** | **207.104.666.691** |
| **I. Nợ ngắn hạn** | **310** | | **162.035.204.501** | **67.029.446.545** |
| 1. Vay và nợ ngắn hạn | 311 | 15 | 70.940.839.208 | 9.002.167.616 |
| 2. Phải trả người bán | 312 | | 28.396.007.425 | 15.482.326.271 |
| 3. Người mua trả tiền trước | 313 | | 10.415.743.678 | 19.977.102.472 |
| 4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 314 | 16 | 1.941.252.846 | 6.557.032.407 |
| 5. Phải trả người lao động | 315 | | - | 679.365.551 |
| 6. Chi phí phải trả | 316 | 17 | 29.403.023.515 | 13.064.069.567 |
| 9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác | 319 | 18 | 11.973.404.076 | 469.091.108 |
| 11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 323 | | 8.964.933.753 | 1.798.291.553 |
| **II. Nợ dài hạn** | **330** | | **954.759.726.054** | **140.075.220.146** |
| 3. Phải trả dài hạn khác | 333 | 19 | 779.531.468.549 | 25.969.744.960 |
| 4. Vay và nợ dài hạn | 334 | 20 | 174.906.899.750 | 113.745.592.945 |
| 5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 335 | 21 | 70.610.038 | - |
| 8. Doanh thu chưa thực hiện | 338 | | 250.747.717 | 359.882.241 |
| **B. VỐN CHỦ SỞ HỮU** | **400** | | **433.432.459.143** | **232.659.713.644** |
| **I. Vốn chủ sở hữu** | **410** | **22** | **433.432.459.143** | **232.659.713.644** |
| 1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu | 411 | | 225.169.550.000 | 151.507.190.000 |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | - | 53.265.105.182 |
| 4. Cổ phiếu quỹ | 414 | | (5.362.083.904) | - |
| 7. Quỹ đầu tư phát triển | 417 | | 7.555.936.134 | 3.796.787.134 |
| 8. Quỹ dự phòng tài chính | 418 | | 925.182.831 | 624.928.244 |
| 10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 420 | | 205.143.874.082 | 23.465.703.084 |
| **C. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ** | **439** | **23** | **124.322.924.820** | - |
| **TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN** | **440** | | **1.674.550.314.518** | **439.764.380.335** |

| | | |
|---|---|---|
| **Dương Thị Nhung** | **Nguyễn Văn Thông** | **Nguyễn Văn Thành** |
| Người lập biểu | Kế toán trưởng | Tổng Giám đốc |
| *Ngày 4 tháng 2 năm 2015* | | |

# BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 02-DN/HN
Đơn vị: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | 2014 | 2013 |
|---|---|---|---|---|
| **1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ** | **01** | | **258.510.510.323** | **214.358.245.263** |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | | 1.573.865.323 | 2.453.701.261 |
| **3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ** | **10** | **24** | **256.936.645.000** | **211.904.544.002** |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | 25 | 215.713.323.080 | 171.302.359.640 |
| **5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ** | **20** | | **41.223.321.920** | **40.602.184.362** |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | 26 | 273.299.952.495 | 384.987.327 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | 27 | 46.565.522.692 | 21.547.782.233 |
| *Trong đó: Chi phí lãi vay* | | | *15.279.608.859* | *21.546.303.797* |
| 8. Chi phí bán hàng | 24 | | 7.030.713.996 | 5.805.738.720 |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 25 | | 18.892.701.182 | 5.780.526.910 |
| **10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh** | **30** | | **242.034.336.545** | **7.853.123.826** |
| 11. Thu nhập khác | 31 | 28 | 237.902.802.737 | 404.060.068 |
| 12. Chi phí khác | 32 | 29 | 238.528.658.764 | 763.792.772 |
| **13. Lỗ từ hoạt động khác** | **40** | | **(625.856.027)** | **(359.732.704)** |
| 14. Lãi trong công ty liên kết, liên doanh | 45 | | - | - |
| **15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế** | **50** | | **241.408.480.518** | **7.493.391.122** |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51 | 30 | 1.896.754.779 | 3.597.128.846 |
| 17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại | 52 | 21 | 70.610.038 | - |
| **18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp** | **60** | | **239.441.115.701** | **3.896.262.276** |
| 19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số | 61 | | 25.152.479.123 | - |
| 20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ | 62 | | 214.288.636.578 | 3.896.262.276 |
| **21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu** | **70** | **31** | **12.768** | **400** |

| | | |
|---|---|---|
| **Dương Thị Nhung** | **Nguyễn Văn Thông** | **Nguyễn Văn Thành** |
| Người lập biểu | Kế toán trưởng | Tổng Giám đốc |
| *Ngày 4 tháng 2 năm 2015* | | |

# BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

*(Theo phương pháp trực tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 03-DN/HN
Đơn vị: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | 2014 | 2013 |
|---|---|---|---|
| **I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh** | | | |
| 1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác | 01 | 320.444.046.766 | 212.878.501.213 |
| 2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ | 02 | (247.696.258.894) | (167.276.236.342) |
| 3. Tiền chi trả cho người lao động | 03 | (15.164.335.351) | (11.805.546.377) |
| 4. Tiền chi trả lãi vay | 04 | (47.372.375.550) | (11.557.335.119) |
| 5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp | 05 | (4.082.423.673) | (1.068.863.755) |
| 6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 06 | 97.180.096.987 | 19.720.637.211 |
| 7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 07 | (73.449.449.419) | (43.604.423.591) |
| **Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh** | **20** | **29.859.300.866** | **(2.713.266.760)** |
| **II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư** | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 21 | (8.430.385.363) | (1.008.736.273) |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 22 | 353.594.918.842 | 120.000.000 |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | (291.786.899.750) | (20.502.900.000) |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | 73.200.000.000 | 3.000.000.000 |
| 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 25 | (531.957.698.634) | - |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 26 | 164.925.000.000 | - |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | 128.768.455.287 | 43.681.771 |
| **Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư** | **30** | **(111.686.609.618)** | **(18.347.954.502)** |
| **III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính** | | | |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu | 31 | 260.000.000 | 68.671.580.000 |
| 2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32 | (5.353.088.000) | - |
| 3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được | 33 | 698.215.495.406 | 226.869.589.094 |
| 4. Tiền chi trả nợ gốc vay | 34 | (575.115.517.009) | (272.667.651.414) |
| 5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính | 35 | - | - |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | - | - |
| **Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính** | **40** | **118.006.890.397** | **22.873.517.680** |
| **Lưu chuyển tiền thuần trong năm** | **50** | **36.179.581.645** | **1.812.296.418** |
| **Tiền và tương đương tiền đầu năm** | **60** | **8.031.997.186** | **4.947.456.012** |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỉ giá hối đoái | 61 | 341.089 | 161.940 |
| **Tiền và tương đương tiền cuối năm** | **70** | **44.211.919.920** | **6.759.914.370** |

| | | |
|---|---|---|
| **Dương Thị Nhung** | **Nguyễn Văn Thông** | **Nguyễn Văn Thành** |
| Người lập biểu | Kế toán trưởng | Tổng Giám đốc |
| *Ngày 4 tháng 2 năm 2015* | | |

## 1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII (trước đây là Công ty Cổ phần Cơ khí điện Lữ Gia), (gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần được chuyển đổi từ Công ty Cơ khí Lữ Gia, một doanh nghiệp nhà nước được thành lập năm 1978 theo Quyết định số 8032/QĐ-UB-KT ngày 28 tháng 12 năm 1999 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu vào ngày 8 tháng 3 năm 2000 và các lần thay đổi.

Vốn điều lệ của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 225.169.550.000 VND, được chia thành 22.516.955 cổ phần bằng nhau, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty đang thực hiện đầu tư vào hai công ty con.

***Thông tin chi tiết về các công ty con như sau:***

| Tên công ty | Nơi thành lập và hoạt động | Tỷ lệ lợi ích | Tỷ lệ quyền biểu quyết | Hoạt động chính |
|---|---|---|---|---|
| 1. Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu Sài Gòn | TP.Hồ Chí Minh | 89,98% | 89,98% | Đầu tư xây dựng dự án B.T Cầu Sài Gòn |
| 2. Công ty Cổ phần Cơ khí Điện Lữ Gia | TP.Hồ Chí Minh | 99,81% | 99,81% | Sản xuất, lắp đặt thiết bị điện; kinh doanh bất động sản |

### Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Lắp đặt hệ thống điện; sản xuất thiết bị điện khác;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; bán buôn chuyên doanh khác; bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại; sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác;
- Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh; giáo dục nghề nghiệp;
- Xây dựng công trình công ích; xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng; chuẩn bị mặt bằng;
- Khai thác xử lý và cung cấp nước; lắp đặt hệ thống cấp thoát nước...
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Sửa chữa thiết bị điện; lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương; vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; các dịch vụ tăng cường sức khỏe…

## 2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

### Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

### Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

### Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

### Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất được hợp nhất từ các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty mẹ kiểm soát (các công ty con). Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty mẹ có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty mẹ và các công ty con đồng nhất.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty mẹ trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

**Hợp nhất kinh doanh**

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế kinh doanh. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

**Lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty mẹ trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian sử dụng hữu ích của lợi thế thương mại nhưng tối đa không quá 10 năm kể từ ngày được ghi nhận.

Lợi thế thương mại có được từ việc mua công ty liên kết được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết. Lợi thế thương mại từ việc mua các công ty con và các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được trình bày riêng như một loại tài sản vô hình trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

**Công cụ tài chính**

***Ghi nhận ban đầu***

*Tài sản tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, các khoản ký cược, ký quỹ, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

*Công nợ tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, dự phòng phải trả, các khoản vay và trái phiếu phát hành.

***Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu***

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

**Dự phòng phải thu khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán theo cam kết hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

| | Số năm |
|---|---|
| Nhà cửa và vật kiến trúc | 10 - 50 |
| Máy móc và thiết bị | 5 - 20 |
| Thiết bị văn phòng | 3 - 8 |
| Phương tiện vận tải | 5 - 10 |

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm giá trị quyền sử dụng đất và phần mềm máy tính.

Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng của lô đất. Quyền sử dụng đất lâu dài theo quy định hiện hành thì không tính khấu hao.

Phần mềm vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm.

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

**Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà cửa, vật kiến trúc do Công ty kiểm soát nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính.

**Các khoản đầu tư chứng khoán**

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát sinh và mệnh giá cổ phiếu phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu ngân quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi nhận theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản nhận được do biếu, tặng, sau khi trừ đi thuế phải nộp liên quan đến các tài sản này.

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế số cổ phiếu do Công ty mẹ phát hành sau đó mua lại được trừ vào vốn chủ sở hữu của Công ty mẹ. Công ty mẹ không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành các công cụ vốn chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận theo số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Các khoản dự trữ, các quỹ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập căn cứ vào Điều lệ của Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

**Ghi nhận doanh thu**

***Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

(a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
(b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

***Doanh thu bán hàng*** (tiếp theo)

(c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
(d) Công ty chắc chắn thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
(e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

(a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
(b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
(c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất; và
(d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng (xem chi tiết dưới đây).

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

**Hợp đồng xây dựng**

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thưởng thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

**Ngoại tệ**

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho các cổ đông.

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

### Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

## 4. TIỀN

| | 31/12/2014 VND | 01/01/2014 VND |
|---|---|---|
| Tiền mặt | 229.938.354 | 37.553.189 |
| Tiền gửi ngân hàng | 43.981.981.566 | 6.722.361.181 |
| **Cộng** | **44.211.919.920** | **6.759.914.370** |

## 5. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

| | 31/12/2014 VND | 01/01/2014 VND |
|---|---|---|
| Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh | 28.204.831.614 | 341.305.556 |
| Công ty TNHH MTV Đầu tư Kinh doanh Địa ốc Lữ Gia | 18.129.449.456 | - |
| Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước Tp. HCM | 3.730.866.028 | - |
| Khoản phải thu nhận bàn giao từ Công ty TNHH MTV Cơ khí điện Lữ Gia | 283.640.353 | 283.640.353 |
| Các khoản phí chi hộ khách hàng mua căn hộ | 108.804.332 | - |
| Đặt cọc thuê văn phòng | 60.000.000 | 60.000.000 |
| Lệ phí tòa án | 12.217.526 | 12.217.526 |
| Ban quản lý dự án | 52.523.488 | 52.523.488 |
| Phải thu khác | 69.009.270 | 22.134.411 |
| **Cộng** | **50.651.342.067** | **771.821.334** |

## 6. HÀNG TỒN KHO

| | 31/12/2014 VND | 01/01/2014 VND |
|---|---|---|
| Nguyên liệu, vật liệu | 6.279.726.218 | 2.972.720.320 |
| Công cụ, dụng cụ | 89.662.327 | 80.107.921 |
| Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang | 49.120.638.481 | 45.171.563.589 |
| *Chi phí đầu tư các dự án* | - | - |
| *Chi phí thi công các công trình xây dựng* | *46.012.739.923* | *30.347.252.244* |
| *Chi phí sản xuất sản phẩm dở dang* | *1.774.761.055* | *5.183.147.050* |
| *Chi phí kinh doanh bất động sản dở dang* | *1.333.137.503* | *9.641.164.295* |
| *Chi phí dịch vụ dở dang* | - | - |
| Thành phẩm | 6.982.122.074 | 12.379.046.180 |
| Hàng hóa | 169.174.951 | 157.988.791 |
| **Cộng giá gốc** | **62.641.324.051** | **60.761.426.801** |
| Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | (627.607.572) | (94.871.767) |
| **Cộng giá trị thuần** | **62.013.716.479** | **60.666.555.034** |

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo) MẪU SỐ B 09-DN/HN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

## 7. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

| | 31/12/2014<br>VND | 01/01/2014<br>VND |
|---|---|---|
| Thuế giá trị gia tăng nộp thừa | 1.092.138.560 | - |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa | 1.110.797.025 | - |
| Tiền thuế đất nộp thừa | 576.571.588 | - |
| **Cộng** | **2.779.507.173** | - |

## 8. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

| | 31/12/2014<br>VND | 01/01/2014<br>VND |
|---|---|---|
| Tài sản thiếu chờ xử lý | - | 107.181.226 |
| Tạm ứng cho nhân viên | 1.866.423.759 | 3.774.607.021 |
| Các khoản ký cược, ký quỹ | 9.000.000 | 9.000.000 |
| **Cộng** | **1.875.423.759** | **3.890.788.247** |

## 9. PHẢI THU DÀI HẠN KHÁCH HÀNG

| | 31/12/2014<br>VND | 01/01/2014<br>VND |
|---|---|---|
| Phải thu UBND Thành phố Hồ Chí minh giá trị đầu tư dự án Cầu Sài Gòn *(i)* | 764.162.014.150 | - |

(i) Phải thu khách hàng dài hạn thể hiện khoản phải thu từ Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về giá trị xây dựng chuyển giao, lãi bảo toàn vốn chủ và lãi trả chậm của Dự án Cầu Sài Gòn. Khoản phải thu được cam kết hoàn trả trong thời gian 5 năm chia đều thành 10 kỳ, kỳ đầu tiên bắt đầu ngày 12 tháng 6 năm 2014, kỳ cuối cùng kết thúc ngày 12 tháng 12 năm 2018. Số dư khoản phải thu trả chậm được cam kết tính lãi trả chậm (Xem thuyết minh 26).

Khoản phải thu được thu hồi theo lịch biểu sau:

| | 31/12/2014<br>VND | 01/01/2014<br>VND |
|---|---|---|
| Trong vòng một năm | 251.418.309.508 | - |
| Trong năm thứ hai | 251.418.309.508 | - |
| Từ năm thứ ba đến năm thứ năm | 512.743.704.642 | - |
| **Cộng** | **1.015.580.323.658** | - |
| Trừ số sẽ thu được trong vòng 12 tháng | (251.418.309.508) | - |
| **Số sẽ thu sau 12 tháng** | **764.162.014.150** | - |

## 10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

| | Nhà cửa, vật kiến trúc VND | Máy móc thiết bị VND | Phương tiện vận tải VND | Thiết bị, dụng cụ quản lý VND | Tài sản cố định khác VND | Tổng cộng VND |
|---|---|---|---|---|---|---|
| **NGUYÊN GIÁ** | | | | | | |
| Tại ngày 01/01/2014 | 39.869.302.801 | 45.078.645.780 | 3.510.529.580 | 414.372.080 | 81.089.524 | 88.953.939.765 |
| Mua trong kỳ | 288.559.085 | 630.476.000 | - | - | - | 919.035.085 |
| Thanh lý, nhượng bán | (6.125.261.932) | (923.658.526) | (725.588.964) | (284.865.080) | - | (8.059.374.502) |
| **Tại ngày 31/12/2014** | **34.032.599.954** | **44.785.463.254** | **2.784.940.616** | **129.507.000** | **81.089.524** | **81.813.600.348** |
| **GIÁ TRỊ KHẤU HAO LŨY KẾ** | | | | | | |
| Tại ngày 01/01/2014 | 3.830.180.980 | 18.709.228.715 | 2.525.324.627 | 257.484.355 | 44.768.199 | 25.366.986.876 |
| Khấu hao trong kỳ | 876.491.424 | 3.746.894.877 | 208.028.612 | 44.826.239 | 7.602.147 | 4.883.843.299 |
| Thanh lý, nhượng bán | (418.296.909) | (793.597.925) | (719.263.830) | (226.194.184) | - | (2.157.352.848) |
| **Tại ngày 31/12/2014** | **4.288.375.495** | **21.662.525.667** | **2.014.089.409** | **76.116.410** | **52.370.346** | **28.093.477.327** |
| **GIÁ TRỊ CÒN LẠI** | | | | | | |
| **Tại ngày 01/01/2014** | **36.039.121.821** | **26.369.417.065** | **985.204.953** | **156.887.725** | **36.321.325** | **63.586.952.889** |
| **Tại ngày 31/12/2014** | **29.744.224.459** | **23.122.937.587** | **770.851.207** | **53.390.590** | **28.719.178** | **53.720.123.021** |

Công ty đã sử dụng nhà xưởng, máy móc thiết bị ở nhà máy tại đường số 25C Khu công nghiệp Nhơn Trạch 5, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai để thế chấp cho khoản vay từ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tây Sài Gòn.

## 11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

| | Quyền sử dụng đất | Bản quyền, phần mềm vi tính | Tổng cộng |
|---|---|---|---|
| | VND | VND | VND |
| **NGUYÊN GIÁ** | | | |
| Tại ngày 01/01/2014 | 8.031.674.450 | 95.000.000 | 8.126.674.450 |
| Mua trong kỳ | - | 50.000.000 | 50.000.000 |
| Thanh lý | - | (45.000.000) | (45.000.000) |
| **Tại ngày 31/12/2014** | **8.031.674.450** | **100.000.000** | **8.131.674.450** |
| **GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ** | | | |
| Tại ngày 01/01/2014 | 735.977.922 | 35.750.016 | 771.727.938 |
| Khấu hao trong kỳ | 171.101.638 | 9.565.317 | 180.666.955 |
| Thanh lý | - | (19.125.000) | (19.125.000) |
| **Tại ngày 31/12/2014** | **907.079.560** | **26.190.333** | **933.269.893** |
| **GIÁ TRỊ CÒN LẠI** | | | |
| **Tại ngày 01/01/2014** | **7.295.696.528** | **59.249.984** | **7.354.946.512** |
| **Tại ngày 31/12/2014** | **7.124.594.890** | **73.809.667** | **7.198.404.557** |

Công ty đã sử dụng quyền sử dụng đất tại đường số 25C Khu công nghiệp Nhơn Trạch 5, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai để thế chấp cho khoản vay từ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tây Sài Gòn.

## 12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

| | 31/12/2014 | 01/01/2014 |
|---|---|---|
| | VND | VND |
| Dự án Cao ốc phức hợp 70 Lữ Gia | - | 7.908.106.885 |
| Các dự án khác | 129.021.273 | - |
| **Cộng** | **129.021.273** | **7.908.106.885** |

## 13. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

### (a) Đầu tư vào cổ phiếu

| | 31/12/2014 | | 01/01/2014 | |
|---|---|---|---|---|
| | Cổ phần | Giá trị đầu tư VND | Cổ phần | Giá trị đầu tư VND |
| Công ty CP Đầu tư AQUA | 290.290 | 2.902.900.000 | 290.290 | 2.902.900.000 |
| **Cộng giá gốc** | **290.290** | **2.902.900.000** | **290.290** | **2.902.900.000** |
| Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính | | (2.902.900.000) | | - |
| Công ty CP Đầu tư AQUA | | (2.902.900.000) | | - |
| **Cộng giá trị thuần** | | - | | **2.902.900.000** |

**Đầu tư dài hạn khác**

Ngày 2 tháng 10 năm 2014, Công ty thực hiện góp vốn theo hợp đồng hợp tác đầu tư với Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh, khai thác quyền thu phí giao thông trên Xa lộ Hà Nội hoàn vốn đầu tư xây dựng cầu Rạch Chiếc. Tỷ lệ góp vốn đầu tư vào dự án của Công ty là 99,5% và của Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh là 0,5%. Lợi nhuận sau thuế từ hoạt động thu phí được chia theo tỷ lệ phần trăm vốn góp của mỗi bên.

## 14. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

| | Giá trị VND |
|---|---|
| **Tại ngày 01/01/2014** | - |
| Tăng trong năm | 173.202.162.292 |
| Phân bổ vào kết quả kinh doanh hợp nhất | (10.188.362.488) |
| **Tại ngày 31/12/2014** | **163.013.799.804** |

## 15. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

| | 31/12/2014 VND | 01/01/2014 VND |
|---|---|---|
| Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tây Sài Gòn (i) | 12.660.839.208 | 9.002.167.616 |
| Các khoản vay và nợ dài hạn đến hạn trả *(Xem thuyết minh số 20)* | 58.280.000.000 | - |
| **Cộng** | **70.940.839.208** | **9.002.167.616** |

(i) Số dư nợ vay ngắn hạn thể hiện khoản vay từ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tây Sài Gòn. Khoản vay này có thể rút bằng Đồng Việt Nam hoặc ngoại tệ quy đổi với số tiền tối đa là 35.000.000.000 VND. Thời hạn vay đối với từng hợp đồng ngắn hạn không quá 8 tháng. Lãi suất và thời gian trả lãi được xác định theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể dựa trên chính sách của Ngân hàng trong từng thời kỳ. Công ty đã sử dụng quyền sử dụng đất tại đường số 25C Khu công nghiệp Nhơn Trạch 5, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai; máy móc thiết bị và nhà xưởng của Công ty ở địa chỉ nêu trên để thế chấp cho khoản vay này.

## 16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

| | 31/12/2014 VND | 01/01/2014 VND |
|---|---|---|
| Thuế giá trị gia tăng | - | 3.550.564.399 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 1.885.382.592 | 2.971.626.648 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 55.870.254 | 34.841.360 |
| **Cộng** | **1.941.252.846** | **6.557.032.407** |

## 17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

| | 31/12/2014 VND | 01/01/2014 VND |
|---|---|---|
| Chi phí thi công liên quan đến các công trình xây dựng | 24.513.406.247 | 13.005.093.056 |
| Chi phí lãi vay phải trả | 4.631.206.125 | 38.976.511 |
| Chi phí phải trả khác | 258.411.143 | 20.000.000 |
| **Cộng** | **29.403.023.515** | **13.064.069.567** |

## 18. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

| | 31/12/2014<br>VND | 01/01/2014<br>VND |
|---|---|---|
| Cổ tức, lợi nhuận phải trả | 11.353.142.240 | - |
| Phải trả Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cấp thoát nước | 451.242.467 | 451.242.467 |
| Bảo hiểm xã hội | 7.853.169 | 7.230.441 |
| Phải trả, phải nộp khác | 161.166.200 | 10.618.200 |
| **Cộng** | **11.973.404.076** | **469.091.108** |

## 19. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

| | 31/12/2014<br>VND | 01/01/2014<br>VND |
|---|---|---|
| Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (i) | 701.279.248.049 | 18.555.561.826 |
| Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII (ii) | 78.000.000.000 | - |
| Tiền ký quỹ thuê văn phòng | 252.220.500 | 4.205.813.906 |
| Quỹ bảo trì căn hộ | - | 3.208.369.228 |
| **Cộng** | **779.531.468.549** | **25.969.744.960** |

(i) Số dư khoản phải trả dài hạn khác là khoản phí nhận chuyển nhượng cổ phần và phần vốn góp của các công ty dự án cầu đường còn phải trả cho Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 căn cứ theo các hợp đồng chuyển nhượng được ký kết giữa hai công ty trong tháng 10 năm 2014.

(ii) Số dư khoản phải trả dài hạn là khoản nhận tiền đặt cọc từ Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII để mua lại toàn bộ cổ phần của Công ty Cổ phần Cơ khí điện Lữ Gia mà Công ty đang nắm giữ. Do thủ tục chuyển nhượng cổ phần chưa hoàn tất nên Công ty Cổ phần Cơ khí điện Lữ Gia vẫn là công ty con của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

## 20. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

| | 31/12/2014<br>VND | 01/01/2014<br>VND |
|---|---|---|
| **Các khoản vay** | **233.186.899.750** | **113.745.592.945** |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh | - | 113.745.592.945 |
| Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn | 233.186.899.750 | - |
| **Các khoản vay và nợ dài hạn phải trả trong vòng 12 tháng** | **(58.280.000.000)** | - |
| **Cộng** | **174.906.899.750** | **113.745.592.945** |

## 20. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (tiếp theo)

**Các khoản vay và nợ được hoàn trả theo lịch biểu sau:**

| | 31/12/2014<br>VND | 01/01/2014<br>VND |
|---|---|---|
| Trong vòng một năm | 58.280.000.000 | - |
| Trong năm thứ hai | 58.280.000.000 | 113.745.592.945 |
| Từ năm thứ ba đến năm thứ năm | 116.626.899.750 | - |
| **Cộng** | **233.186.899.750** | **113.745.592.945** |
| Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng | (58.280.000.000) | - |
| **Số phải trả sau 12 tháng** | **174.906.899.750** | **113.745.592.945** |

**Thông tin bổ sung cho các khoản vay dài hạn**

Ngày 21 tháng 10 năm 2014, Công ty ký hợp đồng vay dài hạn số 2000-LAV-201405441 với Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn nhằm mục đích tài trợ cho việc hợp tác đầu tư khai thác quyền thu phí giao thông trên Xa lộ Hà Nội hoàn vốn đầu tư xây dựng cầu Rạch Chiếc. Hạn mức tín dụng của hợp đồng vay là 275 tỷ VND, thời hạn giải ngân đến hết ngày 21 tháng 10 năm 2016. Thời hạn vay được quy định cụ thể tại từng khế ước nhận nợ nhưng tối đa không quá 48 tháng. Lãi suất áp dụng cho từng lần giải ngân là 10%/năm, lãi suất này được cố định trong vòng 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên và sau đó được điều chỉnh định kỳ mỗi tháng một lần. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo.

## 21. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOÃN LẠI PHẢI TRẢ

| | Bảng cân đối kế toán hợp nhất | | Ghi nhận lỗ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh | |
|---|---|---|---|---|
| | tại ngày 31/12/2014<br>VND | tại ngày 01/01/2014<br>VND | 2014<br>VND | 2013<br>VND |
| **Thuế TNDN hoãn lại phải trả** | | | | |
| Lợi nhuận chưa thực hiện | 70.610.038 | - | 70.610.038 | - |
| Chi phí thuế TNDN hoãn lại ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất | | | **70.610.038** | - |

## 22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

***Thay đổi trong vốn chủ sở hữu***

| | Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND | Thặng dư vốn cổ phần VND | Cổ phiếu quỹ VND | Quỹ đầu tư phát triển VND | Quỹ dự phòng tài chính VND | Lợi nhuận chưa phân phối VND | Tổng cộng VND |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| Tại ngày 01/01/2013 | 82.835.610.000 | 53.407.837.000 | - | 3.601.974.134 | 624.928.244 | 20.043.546.808 | 160.513.896.186 |
| Lợi nhuận trong năm | - | - | - | - | - | 3.896.262.276 | 3.896.262.276 |
| Tăng vốn trong năm | 68.671.580.000 | - | - | - | - | - | 68.671.580.000 |
| Chi phí phát hành thêm cổ phiếu | - | (142.731.818) | - | - | - | - | (142.731.818) |
| Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát | - | - | - | - | - | (84.480.000) | (84.480.000) |
| Trích lập quỹ đầu tư phát triển | - | - | - | 194.813.000 | - | (194.813.000) | - |
| Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi | - | - | - | - | - | (194.813.000) | (194.813.000) |
| **Tại ngày 01/01/2014** | **151.507.190.000** | **53.265.105.182** | **-** | **3.796.787.134** | **624.928.244** | **23.465.703.084** | **232.659.713.644** |
| Tăng vốn trong năm | 73.662.360.000 | (53.230.105.182) | (5.362.083.904) | - | - | (20.432.254.818) | (5.362.083.904) |
| Lợi nhuận trong năm | - | - | - | - | - | 214.288.636.578 | 214.288.636.578 |
| Chi phí phát hành thêm cổ phiếu | - | (35.000.000) | - | - | - | - | (35.000.000) |
| Trích lập quỹ đầu tư phát triển, dự phòng tài chính | - | - | - | 3.759.149.000 | 300.254.587 | (4.059.403.587) | - |
| Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi | - | - | - | - | - | (8.118.807.175) | (8.118.807.175) |
| **Tại ngày 31/12/2014** | **225.169.550.000** | **-** | **(5.362.083.904)** | **7.555.936.134** | **925.182.831** | **205.143.874.082** | **433.432.459.143** |

## 22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

***Cổ phần***

| | 31/12/2014<br>Cổ phần | 01/01/2014<br>Cổ phần |
|---|---|---|
| Số lượng cổ phần được phép phát hành | 22.516.955 | 15.150.719 |
| Số lượng cổ phần đã phát hành và thanh toán đủ | 22.516.955 | 15.150.719 |
| + Cổ phần phổ thông | 22.516.955 | 15.150.719 |
| Số lượng cổ phần được mua lại | 418.210 | - |
| + Cổ phần phổ thông | 418.210 | - |
| Số lượng cổ phần đang lưu hành | 22.098.745 | 15.150.719 |
| + Cổ phần phổ thông | 22.098.745 | 15.150.719 |
| Mệnh giá cổ phần: 10.000 VND/cổ phần | | |

***Cổ tức***

| | 2014<br>VND | 2013<br>VND |
|---|---|---|
| Chia cổ tức trong năm | 73.662.360.000 | - |

Việc chia cổ tức trong năm được thực hiện theo Nghị quyết số 02/NQ-ĐHĐCĐ/2014 của Đại hội cổ đông bất thường ngày 21 tháng 7 năm 2014.

## 23. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ

Lợi ích cổ đông thiểu số thể hiện phần sở hữu của các cổ đông khác cổ đông Công ty mẹ trong giá trị tài sản thuần của các công ty con. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, giá trị tài sản thuần của công ty con thuộc sở hữu của cổ đông thiểu số như sau:

| | 31/12/2014<br>VND | 01/01/2014<br>VND |
|---|---|---|
| Vốn đầu tư của chủ sở hữu | 110.370.000.000 | - |
| Quỹ dự phòng tài chính | 577.413 | - |
| Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 13.952.347.407 | - |
| **Cộng** | **124.322.924.820** | - |

## 24. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

| | 2014<br>VND | 2013<br>VND |
|---|---|---|
| **Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ** | **258.510.510.323** | **214.358.245.263** |
| Doanh thu từ dự án B.T đầu tư xây dựng Cầu Sài Gòn (i) | (1.344.717.901) | - |
| Doanh thu từ hoạt động xây dựng | 161.276.101.743 | 122.063.869.139 |
| Doanh thu bán hàng | 62.084.590.897 | 45.451.674.639 |
| Doanh thu từ hoạt động kinh doanh bất động sản | 16.626.266.428 | 28.090.715.754 |
| Doanh thu cho thuê mặt bằng và dịch vụ khác | 19.868.269.156 | 18.751.985.731 |
| **Các khoản giảm trừ doanh thu** | **(1.573.865.323)** | **(2.453.701.261)** |
| Giảm giá hàng bán | (1.519.949.323) | (107.621.935) |
| Hàng bán bị trả lại | (53.916.000) | (2.346.079.326) |
| **Cộng** | **256.936.645.000** | **211.904.544.002** |

(i) Trong năm, dự án xây dựng Cầu Sài Gòn đã hoàn thành và được Ủy Ban Nhân Dân Thành phố Hồ Chí Minh quyết toán. Doanh thu từ dự án này phát sinh giảm trong quý 4 năm 2014 là do Công ty thực hiện điều chỉnh giảm doanh thu đã ghi nhận trước đó theo giá trị đã được quyết toán của dự án.

## 25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

| | 2014<br>VND | 2013<br>VND |
|---|---|---|
| Giá vốn dự án B.T đầu tư xây dựng Cầu Sài Gòn (i) | (1.494.422.598) | - |
| Giá vốn hoạt động xây dựng | 140.180.985.186 | 104.433.110.774 |
| Giá vốn hàng bán | 52.907.877.133 | 35.451.041.916 |
| Giá vốn của hoạt động kinh doanh bất động sản | 14.004.063.804 | 22.600.147.370 |
| Doanh thu cho thuê mặt bằng và dịch vụ khác | 10.114.819.555 | 8.818.059.580 |
| **Cộng** | **215.713.323.080** | **171.302.359.640** |

(i) Công ty thực hiện điều chỉnh giảm giảm giá vốn đã ghi nhận trước đó theo giá trị đã được quyết toán của dự án.

## 26. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

| | 2014<br>VND | 2013<br>VND |
|---|---|---|
| Lãi bảo toàn vốn chủ sở hữu theo hợp đồng B.T | 147.553.112.376 | - |
| Lãi trả chậm (i) | 106.269.405.524 | - |
| Lãi từ góp vốn hợp tác kinh doanh | 10.668.418.651 | 341.305.556 |
| Lãi phát sinh từ các dự án góp vốn đầu tư | 7.389.543.057 | - |
| Lãi tiền gửi, tiền cho vay | 1.334.848.090 | 43.681.771 |
| Doanh thu tài chính khác | 84.624.797 | - |
| **Cộng** | **273.299.952.495** | **384.987.327** |

(i) Lãi trả chậm được quy định trong hợp đồng Xây dựng Chuyển giao Dự án Cầu Sài Gòn được tính theo chu kỳ 6 tháng với lãi suất trả chậm bằng 7.81%/6 tháng, được tính trên số dư nợ vốn đầu tư mà Ủy Ban Nhân Dân Thành phố Hồ Chí Minh chưa thanh toán.

## 27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

| | 2014<br>VND | 2013<br>VND |
|---|---|---|
| Chi phí lãi vay | 15.279.608.859 | 21.546.303.797 |
| Chi phí lãi chậm thanh toán phí chuyển nhượng cổ phần (i) | 28.382.296.684 | - |
| Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính | 2.902.900.000 | - |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện | 717.149 | - |
| Chi phí tài chính khác | - | 1.478.436 |
| **Cộng** | **46.565.522.692** | **21.547.782.233** |

(i) Chi phí lãi chậm thanh toán phí nhận chuyển nhượng cổ phần và phần vốn góp của các công ty dự án cầu đường còn phải trả cho Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 căn cứ theo điều khoản thanh toán trong các hợp đồng chuyển nhượng được ký kết giữa hai công ty trong tháng 10 năm 2014.

## 28. THU NHẬP KHÁC

| | 2014<br>VND | 2013<br>VND |
|---|---|---|
| Thu từ thanh lý tài sản cố định | 237.039.757.313 | 120.000.000 |
| Thu nhập từ tiền thuế đất nộp thừa | 576.571.588 | - |
| Thu nhập từ tiền đặt cọc của hợp đồng mua căn hộ bị hủy | 250.851.000 | 50.000.000 |
| Thu nhập từ tiền đặt cọc của hợp đồng cho thuê văn phòng bị hủy | - | 159.691.818 |
| Thu nhập khác | 35.622.836 | 74.368.250 |
| **Cộng** | **237.902.802.737** | **404.060.068** |

## 29. CHI PHÍ KHÁC

| | 2014<br>VND | 2013<br>VND |
|---|---|---|
| Giá trị còn lại của tài sản thanh lý | 236.619.027.004 | - |
| Phạt chậm nộp thuế, truy thu thuế | - | 127.342.775 |
| Lãi phạt do chậm bàn giao căn hộ | 79.461.035 | - |
| Phạt vi phạm hành chính | 30.200.000 | 616.245.997 |
| Các khoản phạt chậm nộp và các khoản phạt vi phạm hành chính khác | 124.014.161 | 20.204.000 |
| Chi phí công trình xuất toán theo kết quả thẩm tra của Sở tài chính | 1.675.956.564 | |
| **Cộng** | **238.528.658.764** | **763.792.772** |

## 30. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

| | 2014 | | 2013 | |
|---|---|---|---|---|
| | Hoạt động được ưu đãi thuế VND | Hoạt động không được ưu đãi thuế VND | Hoạt động được ưu đãi thuế VND | Hoạt động không được ưu đãi thuế VND |
| **Tổng lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế** | **250.461.768.051** | **(9.053.287.533)** | - | **7.493.391.122** |
| **Các khoản điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế** | **1.675.956.564** | **20.127.688.363** | - | **743.588.772** |
| *Cổ tức, lợi nhuận được chia* | - | *(7.389.543.057)* | - | - |
| *Chi phí lãi vay góp vốn vào công ty con* | - | *18.692.923.495* | - | - |
| *Chi phí lãi vay góp vốn đầu tư khác* | - | *5.891.207.925* | - | - |
| *Chi phí không hợp lý, hợp lệ* | *1.675.956.564* | *2.933.100.000* | - | *743.588.772* |
| **Tổng thu nhập chịu thuế** | **252.137.724.615** | **11.074.400.830** | - | **8.236.979.894** |
| **Lỗ tính thuế mang sang** | - | **(3.447.447.119)** | - | - |
| **Tổng thu nhập tính thuế** | **252.137.724.615** | **8.712.408.592** | - | **14.388.515.383** |
| Thu nhập chịu thuế 25% | - | - | - | 14.388.515.383 |
| Thu nhập chịu thuế 22% (iii) | - | 7.713.653.006 | - | - |
| Thu nhập chịu thuế 20% (ii) | 252.137.724.615 | 998.755.586 | - | - |
| Thuế TNDN phải nộp | 50.427.544.923 | 1.896.754.779 | - | 3.597.128.846 |
| Thuế TNDN được miễn giảm (i) | (50.427.544.923) | - | - | - |
| **Chi phí thuế TNDN hiện hành** | **-** | **1.896.754.779** | **-** | **3.597.128.846** |

(i) Công ty được hưởng ưu đãi thuế TNDN theo diện doanh nghiệp mới thành lập từ dự án đầu tư: miễn thuế trong vòng 4 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong vòng 9 năm tiếp theo kể từ năm đầu tiên công ty có thu nhập chịu thuế từ dự án. Năm 2014 là năm đầu tiên Công ty có thu nhập chịu thuế từ dự án. Hoạt động được ưu đãi thuế của Công ty là hoạt động thu phí giao thông tại trạm Cầu Bình Triệu 2 để hoàn vốn đầu tư dự án xây dựng cầu Bình Triệu 2 và trạm Cam Thịnh để hoàn vốn đầu tư dự án xây dựng mở rộng tuyến tránh Quốc lộ 1A, đoạn qua thành phố Phan Rang – Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận. Các dự án này được hưởng mức thuế suất ưu đãi là 10% trong vòng 15 năm, miễn thuế trong vòng 4 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo.

(ii) Thu nhập chịu thuế suất 20% là thu nhập phát sinh tại các công ty con có doanh thu phát sinh năm 2013 không quá 20 tỷ VND theo quy định của Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài Chính.

(iii) Theo Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2013 của Chính Phủ và Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài Chính quy định và hướng dẫn thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế suất thuế TNDN được áp dụng từ ngày 1 tháng 1 năm 2014 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 22% và bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 năm 2016 sẽ là 20%.

## 31. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

| | 2014<br>VND | 2013<br>VND |
|---|---|---|
| Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông Công ty mẹ sở hữu cổ phiếu phổ thông | 214.288.636.578 | 3.896.262.276 |
| Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ | 16.783.173 | 9.751.063 |
| **Lãi cơ bản trên cổ phiếu** | **12.768** | **400** |

## 32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 15 và 20 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

*Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:*

| | 31/12/2014<br>VND | 01/01/2014<br>VND |
|---|---|---|
| Các khoản vay | 245.847.738.958 | 122.747.760.561 |
| Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền | (44.211.919.920) | (6.759.914.370) |
| **Nợ thuần** | **201.635.819.038** | **115.987.846.191** |
| Vốn chủ sở hữu | 294.927.318.126 | 232.659.713.644 |
| **Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu** | **68%** | **50%** |

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.

## 32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

**Các loại công cụ tài chính**

Giá trị ghi sổ của các công cụ tài chính của Công ty tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính hợp nhất như sau:

| | 31/12/2014<br>VND | 01/01/2014<br>VND |
|---|---|---|
| **Tài sản tài chính** | | |
| Tiền và tương đương tiền | 44.211.919.920 | 6.759.914.370 |
| Đầu tư ngắn hạn | - | 17.502.900.000 |
| Phải thu khách hàng | 1.065.754.696.511 | 46.331.185.846 |
| Phải thu khác | 50.242.960.700 | 435.657.493 |
| Các khoản đầu tư tài chính dài hạn | 211.546.226.410 | - |
| **Cộng** | **1.371.755.803.541** | **71.029.657.709** |
| **Nợ phải trả tài chính** | | |
| Các khoản vay | 245.847.738.958 | 122.747.760.561 |
| Phải trả người bán | 28.396.007.425 | 15.482.326.271 |
| Phải trả khác | 780.143.877.216 | 23.223.236.399 |
| **Cộng** | **1.054.387.623.599** | **161.453.323.231** |

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày khóa sổ kế toán lập báo cáo tài chính hợp nhất do Thông tư số 210/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn cụ thể cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả việc áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính gồm có rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

***Rủi ro thị trường***

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

*Quản lý rủi ro tỷ giá*

Công ty chỉ chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đồng Đô la Mỹ. Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá việc thay đổi tỷ giá Đồng Việt Nam so với Đô la Mỹ không có ảnh hưởng trọng yếu đến kết quả kinh doanh hợp nhất của Công ty.

## 32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

*Quản lý rủi ro lãi suất*

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

*Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu*

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, đồng thời phân nhiệm một bộ phận thường xuyên kiểm tra, theo dõi tình hình hoạt động tại các công ty đầu tư.

Và Công ty cũng chịu rủi ro về giá của các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Hội đồng Quản trị của Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v Các khoản đầu tư vào các công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này trong tương lai gần.

*Quản lý rủi ro về giá hàng hóa*

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

***Rủi ro tín dụng***

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Mức độ rủi ro tín dụng của Công ty được đánh giá ở mức độ không trọng yếu bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn là các đối tác kinh doanh lâu dài của Công ty.

***Quản lý rủi ro thanh khoản***

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

## 32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

| | Dưới 1 năm VND | Từ 1 đến 5 năm VND | Tổng cộng VND |
|---|---|---|---|
| **Tại ngày 31/12/2014** | | | |
| **Tài sản tài chính** | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 44.211.919.920 | - | 44.211.919.920 |
| Phải thu khách hàng | 301.592.682.361 | 764.162.014.150 | 1.065.754.696.511 |
| Phải thu khác | 50.242.960.700 | - | 50.242.960.700 |
| Các khoản đầu tư tài chính dài hạn | - | 211.546.226.410 | 211.546.226.410 |
| **Cộng** | **396.047.562.981** | **975.708.240.560** | **1.371.755.803.541** |
| **Nợ phải trả tài chính** | | | |
| Các khoản vay | 70.940.839.208 | 174.906.899.750 | 245.847.738.958 |
| Phải trả người bán | 28.396.007.425 | - | 28.396.007.425 |
| Phải trả khác | 612.408.667 | 779.531.468.549 | 780.143.877.216 |
| **Cộng** | **99.949.255.300** | **954.438.368.299** | **1.054.387.623.599** |
| **Chênh lệch thanh khoản thuần** | **296.098.307.681** | **21.269.872.261** | **317.368.179.942** |

| | Dưới 1 năm VND | Từ 1 đến 5 năm VND | Tổng cộng VND |
|---|---|---|---|
| **Tại ngày 01/01/2014** | | | |
| **Tài sản tài chính** | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 6.759.914.370 | - | 6.759.914.370 |
| Đầu tư ngắn hạn khác | 17.502.900.000 | - | 17.502.900.000 |
| Phải thu khách hàng | 46.331.185.846 | - | 46.331.185.846 |
| Phải thu khác | 435.657.493 | - | 435.657.493 |
| **Cộng** | **71.029.657.709** | - | **71.029.657.709** |
| **Nợ phải trả tài chính** | | | |
| Các khoản vay | 9.002.167.616 | 113.745.592.945 | 122.747.760.561 |
| Phải trả người bán | 15.482.326.271 | - | 15.482.326.271 |
| Phải trả khác | 461.860.667 | 22.761.375.732 | 23.223.236.399 |
| **Cộng** | **24.946.354.554** | **136.506.968.677** | **161.453.323.231** |
| **Chênh lệch thanh khoản thuần** | **46.083.303.155** | **(136.506.968.677)** | **(90.423.665.522)** |

Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

## 33. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Để phục vụ cho mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành các bộ phận khác nhau. Theo đó, báo cáo bộ phận chính yếu dựa trên loại hình hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty không báo cáo theo khu vực địa lý vì sự tập trung và nơi cung cấp hàng hóa dịch vụ của Công ty chủ yếu được thực hiện tại Thành phố Hồ chí Minh.

Kết quả báo cáo bộ phận bao gồm: các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như cho các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân bổ bao gồm: tài sản, nợ phải trả, doanh thu hoạt động tài chính, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, lãi hoặc lỗ khác và thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các bộ phận hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm 5 bộ phận như sau: hoạt động sản xuất, kinh doanh bán hàng; hoạt động đầu tư dự án theo hợp đồng B.T; hoạt động thi công, duy tu công trình hoạt động cho thuê mặt bằng; hoạt động kinh doanh mua bán căn hộ.

Hoạt động cụ thể của từng bộ phận kinh doanh như sau:

- Hoạt động sản xuất, kinh doanh bán hàng: sản xuất kinh doanh cần đèn, trụ đèn, trụ điện lực, thiết bị điện;
- Hoạt động đầu tư dự án theo hợp đồng B.T: Xây dựng cầu Sài Gòn và chuyển giao cho Ủy Ban Nhân Dân Thành phố Hồ Chí Minh.
- Hoạt động thi công, duy tu công trình: thi công các công trình chiếu sáng, duy tu bảo dưỡng các công trình công cộng;
- Hoạt động cho thuê mặt bằng: cho thuê văn phòng, trung tâm thương mại tại dự án 70 Lữ Gia, phường 15, quận 11, Tp. Hồ Chí Minh;
- Hoạt động kinh doanh mua bán căn hộ: kinh doanh bán căn hộ tại dự án 70 Lữ Gia, phường 15, quận 11, Tp. Hồ Chí Minh.

Công ty lập báo cáo bộ phận theo 5 bộ phận kinh doanh này.

## 33. BÁO CÁO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

**Năm 2014**

| Chỉ tiêu | Sản xuất, kinh doanh bán hàng VND | Hoạt động đầu tư theo hợp đồng B.T VND | Thi công, duy tu công trình VND | Dịch vụ cho thuê mặt bằng VND | Bán căn hộ Lữ Gia VND | Tổng cộng VND |
|---|---|---|---|---|---|---|
| **Doanh thu** | | | | | | |
| Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài | 62.084.590.897 | (1.344.717.901) | 160.256.957.161 | 19.814.353.156 | 16.125.461.687 | 256.936.645.000 |
| Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận | - | - | - | - | - | - |
| **Cộng** | **62.084.590.897** | **(1.344.717.901)** | **160.256.957.161** | **19.814.353.156** | **16.125.461.687** | **256.936.645.000** |
| **Giá vốn** | | | | | | |
| Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp ra bên ngoài | 52.907.877.133 | (1.494.422.598) | 140.180.985.186 | 10.114.819.555 | 14.004.063.804 | 215.713.323.080 |
| Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp giữa các bộ phận | - | - | - | - | - | - |
| **Cộng** | **52.907.877.133** | **(1.494.422.598)** | **140.180.985.186** | **10.114.819.555** | **14.004.063.804** | **215.713.323.080** |
| **Lợi nhuận gộp bộ phận** | **9.176.713.764** | **149.704.697** | **20.075.971.975** | **9.699.533.601** | **2.121.397.883** | **41.223.321.920** |
| Doanh thu hoạt động tài chính | | | | | | 273.299.952.495 |
| Chi phí tài chính | | | | | | 46.565.522.692 |
| Chi phí bán hàng | | | | | | 7.030.713.996 |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp | | | | | | 18.892.701.182 |
| Thu nhập khác | | | | | | 237.902.802.737 |
| Chi phí khác | | | | | | 238.528.658.764 |
| Chi phí thuế TNDN hiện hành | | | | | | 1.896.754.779 |
| Chi phí thuế TNDN hoãn lại | | | | | | 70.610.038 |
| **Tổng lợi nhuận sau thuế** | | | | | | **239.441.115.701** |

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)
*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

MẪU SỐ B 09-DN/HN

## 33. BÁO CÁO BỘ PHẬN (tiếp theo)

**Năm 2013**

| Chỉ tiêu | Sản xuất, kinh doanh bán hàng VND | Hoạt động đầu tư theo hợp đồng B.T VND | Thi công, duy tu công trình VND | Dịch vụ cho thuê mặt bằng VND | Bán căn hộ Lữ Gia VND | Tổng cộng VND |
|---|---|---|---|---|---|---|
| **Doanh thu** | | | | | | |
| Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài | 45.394.725.639 | - | 122.063.869.139 | 18.751.985.731 | 25.693.963.493 | 211.904.544.002 |
| Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận | - | - | - | - | - | - |
| **Cộng** | **45.394.725.639** | **-** | **122.063.869.139** | **18.751.985.731** | **25.693.963.493** | **211.904.544.002** |
| **Giá vốn** | | | | | | |
| Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp ra bên ngoài | 35.451.041.916 | - | 104.433.110.774 | 8.818.059.580 | 22.600.147.370 | 171.302.359.640 |
| Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp giữa các bộ phận | - | - | - | - | - | - |
| **Cộng** | **35.451.041.916** | **-** | **104.433.110.774** | **8.818.059.580** | **22.600.147.370** | **171.302.359.640** |
| **Lợi nhuận gộp bộ phận** | **9.943.683.723** | **-** | **17.630.758.365** | **9.933.926.151** | **3.093.816.123** | **40.602.184.362** |
| Doanh thu hoạt động tài chính | | | | | | 384.987.327 |
| Chi phí tài chính | | | | | | 21.547.782.233 |
| Chi phí bán hàng | | | | | | 5.805.738.720 |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp | | | | | | 5.780.526.910 |
| Thu nhập khác | | | | | | 404.060.068 |
| Chi phí khác | | | | | | 763.792.772 |
| Chi phí thuế TNDN hiện hành | | | | | | 3.597.128.846 |
| **Tổng lợi nhuận sau thuế** | | | | | | **3.896.262.276** |

## 34. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

| Các bên liên quan | Mối quan hệ |
|---|---|
| Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh | Công ty mẹ |
| Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội | Công ty trong cùng tập đoàn |
| Công ty CP Đầu tư và Phát triển XD Ninh Thuận | Công ty trong cùng tập đoàn |
| Công ty CP Xây dựng Hạ tầng CII | Công ty trong cùng tập đoàn |
| Công ty TNHH MTV Đầu Tư Kinh Doanh Địa ốc Lữ Gia | Công ty trong cùng tập đoàn |
| Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng | Công ty trong cùng tập đoàn |

***Trong năm, Công ty đã có các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan như sau:***

| | 2014<br>VND | 2013<br>VND |
|---|---|---|
| **Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh** | | |
| Nhận vốn hợp tác đầu tư dự án góp vốn chia sản phẩm cao ốc 70 Lữ Gia | 24.552.817.782 | 100.000.000.000 |
| Chuyển trả vốn hợp tác đầu tư dự án góp vốn chia | 138.298.410.727 | 60.000.000.000 |
| Chuyển tiền vốn hỗ trợ vốn | 17.600.000.000 | 17.600.000.000 |
| Nhận lại tiền hỗ trợ vốn | 32.200.000.000 | 3.000.000.000 |
| Chuyển nhượng phần vốn góp trong Công ty TNHH MTV Đầu Tư Kinh Doanh Địa ốc Lữ Gia | 150.000.000.000 | - |
| Nhận chuyển nhượng cổ phần Công ty CP Xây dựng Cầu Sài Gòn | 1.068.311.946.683 | - |
| Chuyển tiền góp vốn hợp tác đầu tư dự án cầu Rạch Chiếc | 233.186.899.750 | - |
| Nhận tiền hỗ trợ vốn | 90.000.000.000 | - |
| Thanh toán tiền hỗ trợ vốn | 90.000.000.000 | - |
| Chi phí lãi chậm thanh toán phí chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp các công ty cầu đường | 28.382.296.684 | - |
| Chi phí lãi vay phải trả | 3.101.320.880 | 9.913.690.861 |
| Lãi phải thu từ hỗ trợ vốn | - | 341.305.556 |
| Doanh thu cho thuê kho | 762.984.743 | 577.498.472 |
| Doanh thu thi công công trình | - | 946.651.400 |
| Lãi phát sinh từ góp vốn hợp tác đầu tư | 10.668.418.651 | - |
| Lãi phát sinh từ hợp đồng góp vốn đầu tư dự án cầu Rạch Chiếc | 7.389.543.057 | - |

## 34. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

***Giao dịch với các bên liên quan*** (tiếp theo)

| | 2014<br>VND | 2013<br>VND |
|---|---|---|
| **Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội** | | |
| Doanh thu thi công xây dựng | 6.386.839.067 | 10.194.327.968 |
| **Công ty CP Đầu tư và Phát triển XD Ninh Thuận** | | |
| Doanh thu thi công xây dựng | 3.861.382.758 | - |
| **Công ty CP Xây dựng Hạ tầng CII** | | |
| Nhận tiền vay dài hạn | 129.400.000.000 | - |
| Thanh toán tiền vay dài hạn | 129.400.000.000 | - |
| Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ | 518.329.182 | 1.495.319.200 |
| Chi phí lãi vay hỗ trợ vốn | 2.557.500.001 | - |
| **Công ty TNHH MTV Đầu Tư Kinh Doanh Địa ốc Lữ Gia** | | |
| Góp vốn trong năm | 150.000.000.000 | - |
| Thu nhập từ thanh lý TSCĐ và BĐS đầu tư | 236.605.211.858 | - |
| Chi phí thuê văn phòng | 105.000.000 | - |
| **Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng** | | |
| Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ | - | 606.000.000 |
| Chi phí mua hàng hóa dịch vụ | 51.052.000 | 121.800.000 |

## 34. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

***Số dư với các bên liên quan***

| | 31/12/2014<br>VND | 01/01/2014<br>VND |
|---|---|---|
| **PHẢI THU** | | |
| **Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh** | | |
| Phải thu gốc và lãi hợp đồng hợp tác đầu tư dự án cầu Rạch Chiếc | 29.030.216.397 | - |
| Phải thu lãi phát sinh từ góp vốn hợp tác kinh doanh | 9.238.174.206 | - |
| Phải thu tiền cho thuê kho | - | 324.990.000 |
| Lãi phải thu từ hỗ trợ vốn | - | 341.305.556 |
| **Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội** | | |
| Phải thu giá trị thi công công trình | 191.592.923 | 6.086.572.058 |
| **Công ty CP Đầu tư và Phát triển XD Ninh Thuận** | | |
| Phải thu giá trị thi công công trình | 424.752.103 | - |
| **Công ty CP Xây dựng Hạ tầng CII** | | |
| Phải thu bán hàng và giá trị thi công công trình | 850.996.290 | 1.031.217.820 |
| **Công ty TNHH MTV Đầu Tư Kinh Doanh Địa ốc Lữ Gia** | | |
| Phải thu thanh lý TSCĐ và bất động sản đầu tư | 18.123.403.068 | - |
| Phải thu khác - cho vay | 5.000.000 | - |
| Phải thu tiền chi nộp hộ bảo hiểm xã hội | 1.046.388 | - |
| **PHẢI TRẢ** | | |
| **Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh** | | |
| Phải trả nhận chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp trong các công ty và dự án cầu đường | 701.279.248.049 | - |
| Phải trả lãi chậm thanh toán phí nhận chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp trong các công ty và dự án cầu đường | 10.063.558.989 | - |
| Doanh thu chưa thực hiện | 246.202.274 | 246.203.364 |
| Lãi từ khoản nhận hỗ trợ vốn thực hiện dự án | - | 18.555.561.826 |
| Gốc vay dài hạn | - | 113.745.592.945 |
| **Công ty TNHH MTV Đầu Tư Kinh Doanh Địa ốc Lữ Gia** | | |
| Phải trả tiền thuê văn phòng | 115.500.000 | - |

***Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc Công ty mẹ được hưởng trong kỳ***

| | 2014<br>VND | 2013<br>VND |
|---|---|---|
| Lương và thưởng | 1.099.671.000 | 1.066.594.208 |

## 35. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NIÊN ĐỘ

Ngày 12 tháng 1 năm 2015, Công ty đã chào bán thành công 35.700.000 cổ phiếu phát hành riêng lẻ cho nhà đầu tư chiến lược là Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh. Tổng số tiền thu được từ việc phát hành cổ phiếu là 35.700.000.000 VND, được dùng để thanh toán phí nhận chuyển nhượng cổ phần và phần vốn góp đầu tư vào các công ty dự án cầu đường.

| | | |
|---|---|---|
| **Dương Thị Nhung** | **Nguyễn Văn Thông** | **Nguyễn Văn Thành** |
| Người lập biểu | Kế toán trưởng | Tổng Giám đốc |
| *Ngày 4 tháng 2 năm 2015* | | |